

Số: 1.8.2./CBTT-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

Mã chứng khoán: TNH

Địa chỉ trụ sở chính: Số 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0208 628 5658 Email: ctcpbenhvienquoctethainguyen@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Người đại diện theo pháp luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Ông Hoàng Tuyên

Loại thông tin công bố:

Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên công bố Báo cáo thường niên năm 2021 theo quy định của pháp luật.

Chi tiết Báo cáo xem tại các tài liệu đính kèm kèm Thông báo này.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2021 tại đường dẫn: <http://benhvienquoctethainguyen.com/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu liên quan đến CBTT:

- Báo cáo thường niên năm 2021

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**



Hoàng Tuyên

2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Điện thoại: 0208 628 5658
328 Lương Ngọc Quyến, P. Đồng Quang,
TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
benhvienquocctethainguyen.com

Tên doanh nghiệp	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Địa chỉ	328 Lương Ngọc Quyến, P. Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại	0208 628 5658
Website	benhvienquoctethainguyen.com
Vốn điều lệ	415.000.000 VNĐ
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/03/2017
Ngành nghề kinh doanh chính	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế chính
Mã cổ phiếu	TNH



MỤC LỤC

01	PHẦN MỞ ĐẦU	7
	1.1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT	8
	1.2. Các chỉ tiêu cơ bản	10
02	THÔNG TIN CHUNG	11
	2.1. Lịch sử hình thành và phát triển	13
	2.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
	2.3. Mô hình kinh doanh và nội lực	15
	2.4. Giới thiệu Ban lãnh đạo	18
	2.5. Vị thế	22
	2.6. Định hướng phát triển	26
	2.7. Rủi ro	27
03	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	28
	3.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	33
	3.2. Tổ chức và nhân sự	34
	3.3. Tình hình đầu tư thực hiện dự án	38
	3.4. Tình hình tài chính	40
	3.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu	42
04	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	44
	4.1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh	47
	4.2. Tình hình tài chính	48
	4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	49
	4.4. Phương hướng phát triển	50
05	BÁO CÁO CỦA HĐQT	52
	5.1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt của Công ty	55
	5.2. Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc	56
	5.3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT	56
06	QUẢN TRỊ CÔNG TY	57
	6.1. Hội đồng Quản trị	59
	6.2. Ban Kiểm soát	60
	6.3. Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty	62
	6.4. Nâng cao hiệu quả quản trị công ty	63
	6.5. Giao dịch giữa công ty và các đối tượng khác	64
	6.6. Giao dịch và thù lao	67
	6.7. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ	67
	6.8. Quản trị Công ty	67
07	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	69
	7.1. Mục tiêu chung	70
	7.2. Mục tiêu sản phẩm dịch vụ	70
	7.3. Chính sách người lao động	71
	7.4. Phát triển cộng đồng	72
08	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2019	77



DANH MỤC VIẾT TẮT

Công ty	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
BCTC	Báo cáo tài chính
BGD	Ban Giám đốc
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKS	Ban Kiểm soát
CA	Công an
CATP	Công an thành phố
CMND	Chứng minh nhân dân
CSH	Chủ sở hữu
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐVT	Đơn vị tính
GMHS	Cây mê hồi sức
HĐQT	Hội đồng quản trị
KH	Kế hoạch
KTTH	Kế toán tổng hợp
P	Phường
TCHC	Tổ chức hành chính
TGD	Tổng giám đốc
TMCP	Thương mại cổ phần
TP	Thành phố
VND	Việt Nam đồng

01. PHẦN MỞ ĐẦU

- 1.1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT
- 1.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 1.3. Các chỉ tiêu cơ bản



1.1. THÔNG điệp của Chủ tịch HĐQT

Thân gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng,
Đối tác và Cán bộ công nhân viên.

Năm 2020 chứng kiến sự bùng phát của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng và tiếp tục có diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, dịch bệnh diễn ra ở nhiều nơi. Trong bối cảnh hết sức khó khăn, hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời ban hành các kết luận, nghị quyết, chỉ thị với phương châm "chống dịch như chống giặc", quyết tâm thực hiện "mục tiêu kép": Vừa quyết liệt phòng, chống dịch hiệu quả; vừa tập trung phục hồi phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, kiểm soát dịch bệnh là ưu tiên hàng đầu, quan trọng nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, ổn định xã hội. Có thể thấy, về cơ bản, các giải pháp điều hành chính sách kinh tế vĩ mô đã được thực thi đúng hướng và phù hợp, được nhân dân cả nước đồng tình, công đồng thế giới đánh giá cao.

Trước tình hình đó, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của nước ta năm 2020 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Thu nhập bình quân đầu người Việt Nam là 3.400USD. Đó là con số được Tập đoàn Tư vấn Boston (Mỹ) đưa ra, cùng với dự báo "tầng lớp trung lưu và giàu có" của Việt Nam sẽ tăng gấp đôi lên tới 33 triệu người, tương đương khoảng 1/3 dân số đất nước, trong khoảng thời gian từ năm 2014-2020.

Từ 2008 đến nay, tốc độ tăng chi từ ngân sách nhà nước cho y tế đã cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách



nhà nước và đạt khoảng 7- 8% tổng chi ngân sách. Mức chi tiêu cho sức khỏe người dân duy trì đã tăng ổn định, vì vậy trong năm 2020, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh khám chữa bệnh cho người dân. Năm 2020, bệnh viện cũng tiếp tục mở rộng, triển khai các lĩnh vực chuyên khoa sâu như đào tạo nâng cao tay nghề của đội ngũ y bác sĩ, cán bộ trẻ, mời các bác sĩ nước ngoài về đầu tư thêm trang thiết bị và máy móc hiện đại để đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

Đến thời điểm hiện tại, Bệnh viện Đa khoa Yên Bình và Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II đã đi vào hoạt động. Cả hai bệnh viện đang được đánh giá cao về cả chất lượng khám chữa bệnh và dịch vụ khách hàng với cơ sở vật chất hiện đại vượt trội, hệ thống trang thiết bị y tế tiên tiến, và đội ngũ bác sĩ giỏi chuyên môn, giàu y đức. Cho đến nay, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên tự hào là thương hiệu có vị thế, uy tín lớn mạnh trong ngành y tế, được Sở Y tế Thái Nguyên công nhận là một trong những bệnh viện tốt nhất trên địa bàn.

Các bệnh viện của Công ty đã và đang liên kết với các bệnh viện của Hàn Quốc và Thái Lan nhằm nâng cao công tác

chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.

Trong năm 2020, Bệnh viện cũng đã triển khai công tác đưa cổ phiếu của công ty lên giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là bước tiến chiến lược để Công ty khẳng định vị thế của mình trong ngành Y tế cả nước nói chung, trở thành một trong những bệnh viện đầu tiên niêm yết trên sàn giao dịch. Với sự chuẩn bị đầu tư đúng hướng, Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã sẵn sàng đón nhận những cơ hội và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn Quý vị.

Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT



1.2. TẦM NHÌN- SỨ MỆNH- GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên mong muốn được chung vai gánh vác, chia sẻ với xã hội trong việc khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, góp phần giảm tải cho các bệnh viện công. Chúng tôi hướng tới việc cung cấp dịch vụ khám, tầm soát và điều trị bệnh toàn diện đạt chuẩn quốc gia, quốc tế với đội ngũ bác sĩ giỏi trong và ngoài nước.

Mục tiêu của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là trở thành một trong những bệnh viện tư nhân hàng đầu của cả nước với một môi trường y tế nhân văn, thân thiện, an toàn. Chúng tôi chú trọng vào việc xây dựng đội ngũ bác sĩ giỏi chuyên môn, tận tâm với người bệnh; chú trọng đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế, nhằm mang lại chất lượng cao trong khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho tất cả mọi người. Sứ mệnh: Công ty cam kết cung cấp các dịch vụ chất lượng cao, tận tâm vì sức khỏe người bệnh và cộng đồng.

Sứ mệnh

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, chia sẻ trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cộng đồng, góp phần vào sự lớn mạnh, phát triển của ngành Y tế nước nhà. Lợi ích, sức khỏe của người bệnh là kim chỉ nam trong mọi hoạt động mà chúng tôi hướng tới. Mang lại sự an toàn và chất lượng cao trong việc khám chữa bệnh là định hướng quan trọng để chúng tôi tồn tại và phát triển. Lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ để đạt được sự hài lòng và tin tưởng của bệnh nhân là thước đo thành công của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

Không ngừng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, giàu tính nhân văn, mang đậm nét văn hóa của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên; tạo cơ hội năng cao nghiệp vụ và phát triển sự nghiệp cho mọi thành viên

Giá trị cốt lõi

- Tính chuyên nghiệp;
- Hiệu quả công việc;
 - Tính trung thực;
 - Tinh thần đồng đội;
 - Thái độ tích cực.
- và chất lượng khám chữa bệnh.

Triết lý kinh doanh

Bệnh viện luôn "lấy người bệnh làm trọng tâm" cho mọi hoạt động trong suy nghĩ và hành động. Tất cả các quy trình hoạt động, từ chào đón bệnh nhân đến khi thực hiện các kỹ thuật khám, chữa bệnh cho đến thời điểm người bệnh ra viện, đều được đổi mới và tạo được sự khác biệt, theo tiêu chí phải làm cho người bệnh hài lòng nhất về tinh thần, thái độ phục vụ và chất lượng khám chữa bệnh.

1.3. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu	Tỷ đồng	266,34	269,65	275,45	335,6
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	266,34	269,65	245,45	335,6
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	86,35	81,39	88,82	109
Bảng cân đối kế toán					
Tổng tài sản	Tỷ đồng	433,98	515,05	879,95	1.157,1
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	350	350	415	415
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	358,31	439,70	528,53	637,5
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu					
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	24,10%	20,40	18,35	18,69
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	18,73%	16,97	12,74	10,7

Các sự kiện nổi bật trong năm 2020

- TB/2020: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II chính thức đi vào hoạt động
- T12/2020: Niêm yết cổ phiếu trên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

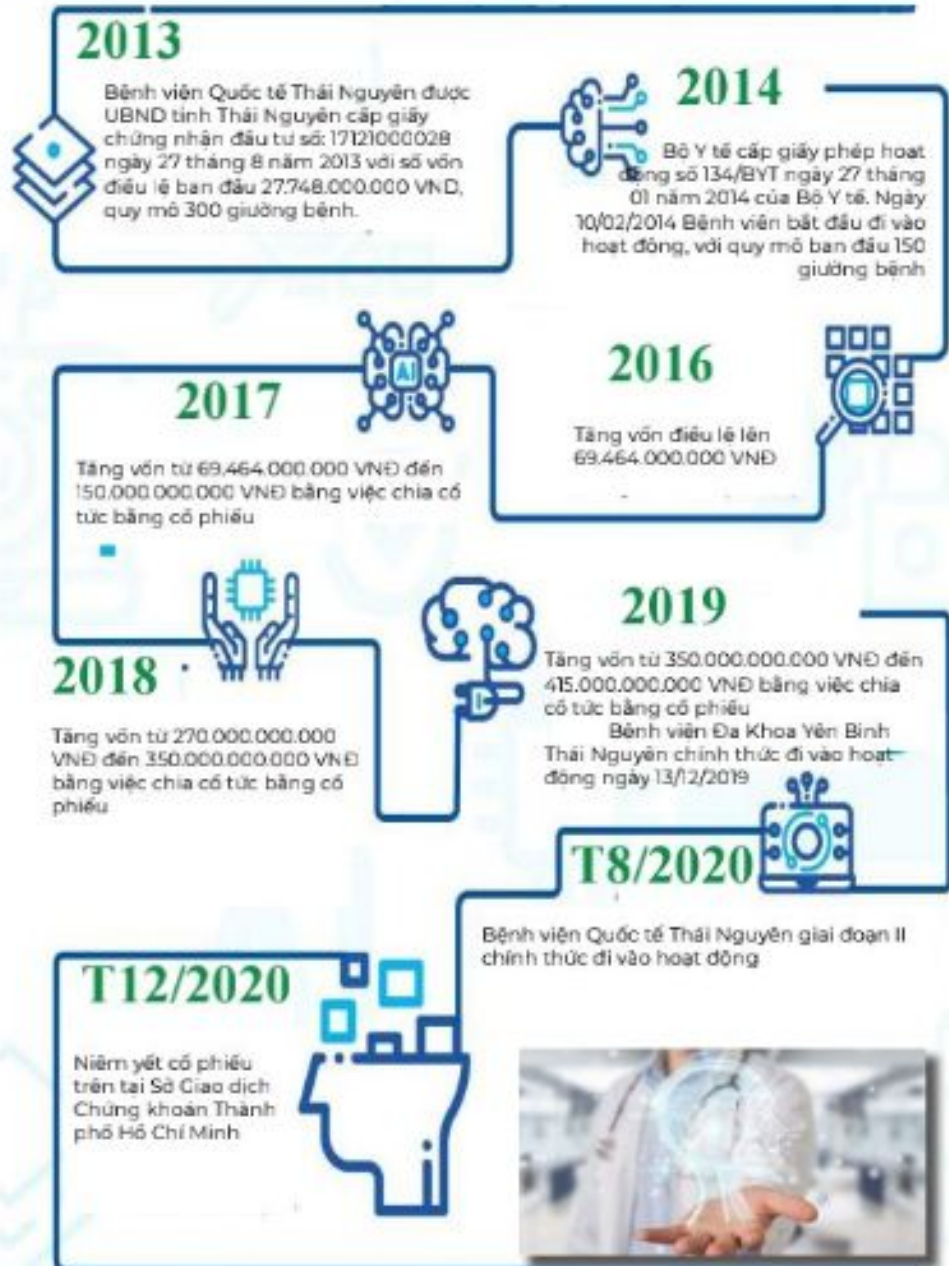


02. Thông tin chung

- 2.1. Lịch sử hình thành và phát triển
- 2.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 2.3. Mô hình kinh doanh và nội lực
- 2.4. Giới thiệu Ban lãnh đạo
- 2.5. Vị thế
- 2.6. Định hướng phát triển
- 2.7. Rủi ro



2.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2.2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế



Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn dược phẩm)



Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh



Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc thiết bị y tế)

Địa bàn kinh doanh

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên: số 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP Thái Nguyên.

Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên: xóm Chùa, xã Nam Tiến, tỉnh Thái Nguyên



Sản phẩm dịch vụ chính



Nhà thuốc



Khoa xét nghiệm



Khoa thăm dò chức năng



Khoa phụ sản



Khoa nội



Khoa nhi

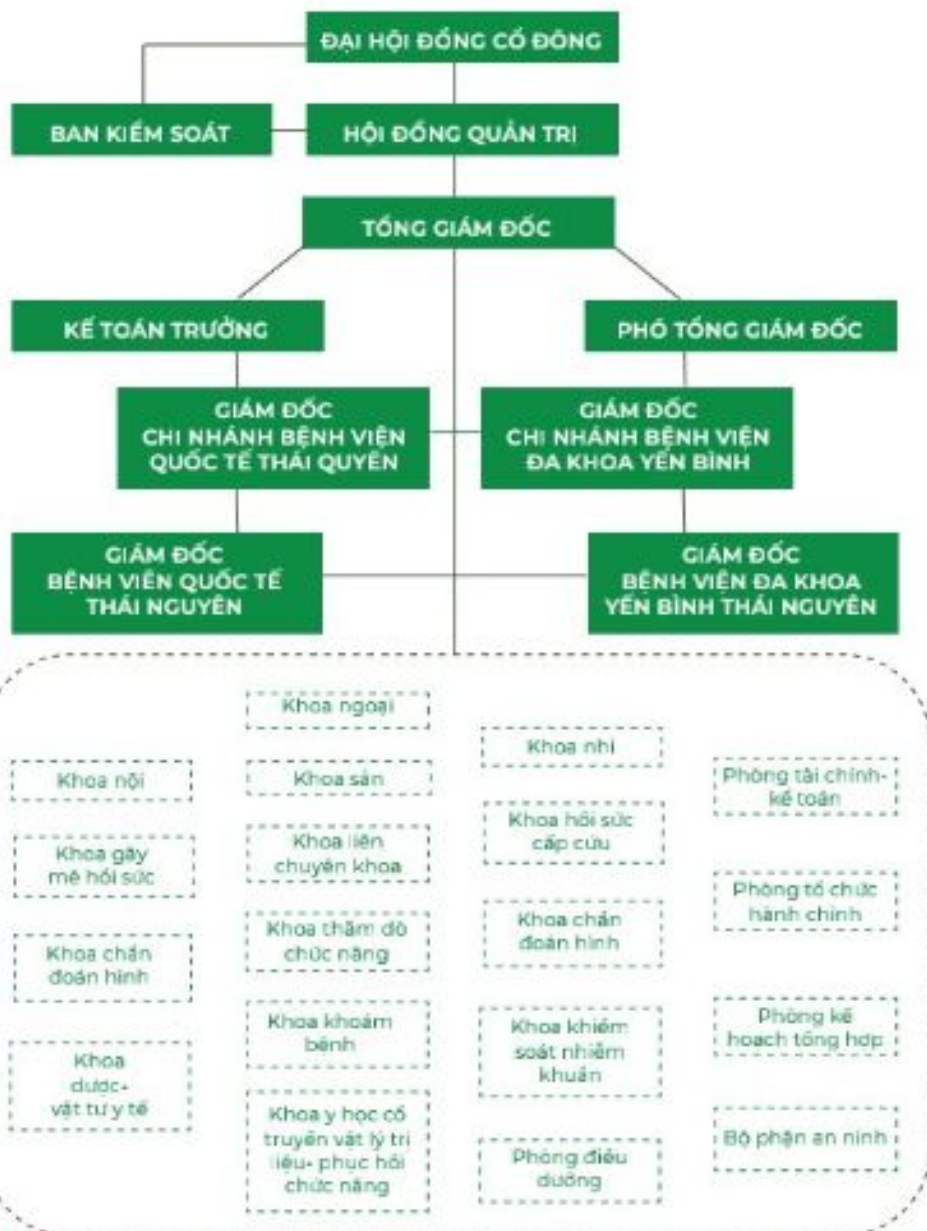
Tổng số nhân viên của công ty là 719 người. Trong đó:

- + Tổng số PGS, TS, Ths, Bác sỹ đa khoa: 198 người
- + Tổng số điều dưỡng: 321 người
- + Tổng số nữ hộ sinh: 36 người
- + Tổng số kĩ thuật viên: 46 người
- + Tổng số dược sỹ: 25 người
- + Tổng số đội ngũ nhân viên hỗ trợ và các bộ phận liên quan: 93 người

Ngoài ra Công ty còn hợp tác với hơn 40 giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ của các bệnh viện tuyến trung ương, ở Hà Nội và các Bệnh viện khác thường xuyên tham gia khám bệnh, hội chẩn trực tiếp tại bệnh viện đặc biệt là tất cả các ngày thứ 7 và chủ nhật hoặc hỗ trợ hội chẩn phẫu thuật những ca khó, phức tạp bất cứ lúc nào có nhu cầu được bệnh viện mời đến.

2.3. MÔ HÌNH KINH DOANH VÀ NỘI LỰC

Sơ đồ tổ chức



Chức năng các bộ phận và phòng ban trong công ty

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các số liệu BCTC hàng năm của Công ty và kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chính là bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ không quá 05 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.

Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc quyết định thuê người khác làm Tổng Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ Tổng giám đốc không quá 05 năm, có thể được bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Phòng KHTH & TCHC

- Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm; Mua sắm, làm thủ tục nhập, xuất vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, dụng cụ cho sản xuất; Tham mưu và làm các thủ tục pháp lý trong việc ký kết, giám sát thực hiện, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế với các nhà cung cấp. Tham gia xây dựng phương án kế hoạch giá thành sản phẩm của Công ty; Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các báo cáo thống kê theo quy định và yêu cầu quản trị của Công ty.

- Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Theo dõi, giám sát việc chấp hành nội quy lao động, nội quy, quy chế của Công ty và thực hiện công tác kỷ luật. Thực hiện các nhiệm vụ của công tác hành chính, văn thư lưu trữ, quản lý xe ô tô con, vệ sinh môi trường, ngoại cảnh.

Phòng Tài chính - kế toán

- Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính kế toán.
- Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm;
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty;
- Thực hiện thu tiền bán hàng, quản lý kho quỹ;
- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê

Bảo vệ bệnh viện

- Thực hiện công tác bảo vệ Bệnh viện.
- Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực hàng năm.

Các phòng khoa chuyên môn tại bệnh viện:

Khoa Nội

- Bệnh lý tim mạch: Suy tim, tăng huyết áp...
- Bệnh lý tiêu hoá: Viêm loét dạ dày, đại tràng, xơ gan...
- Bệnh lý nội tiết: Đái tháo đường, base-dow...
- Bệnh lý tiết niệu: Viêm đường tiết niệu, suy thận...
- Bệnh lý cơ, xương, khớp: Viêm khớp dạng thấp...

Khoa Nhi:

Khám và điều trị: Tất cả các bệnh lý nội nhi từ 1 tháng tuổi đến 15 tuổi. Bệnh nhi sau phẫu thuật cần phải chăm sóc đặc biệt.

Khoa Ngoại

Chức năng: Khoa ngoại tổng hợp là khoa lâm sàng có chức năng thực hiện thủ tục khám và điều trị bằng phẫu thuật, cho bệnh nhân trong toàn tỉnh và một số địa bàn của tỉnh bạn như Cao Bằng, Tuyên Quang...

Khoa Gây mê hồi sức

Khoa phẫu thuật CMHS là khoa lâm sàng, gồm hệ thống các buồng phẫu thuật để thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật theo chương trình và cấp cứu, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Giám đốc bệnh viện và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về tổ chức thực hiện các hoạt động tại khoa.

Các khoa

Khám bệnh chuyên khoa

- Phòng Răng hàm mặt
- Phòng Tai Mũi Họng
- Phòng khám mắt

Khoa Sản:

- Khám quản lý thai nghén và điều trị các bệnh lý sản khoa
- Khám và điều trị các bệnh lý phụ khoa
- Khám và điều trị vô sinh
- Phẫu thuật mổ mở trong sản phụ khoa
- Phẫu thuật nội soi
- đẻ giảm đau.

Khoa Dược + Quầy thuốc

Khoa Dược là khoa cận lâm sàng có chức năng: Cung ứng kịp thời, đầy đủ thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế tiêu hao phục vụ điều trị nội, ngoại trú, phòng chống dịch và chỉ viện cho tuyến dưới theo yêu cầu của Bộ Y tế. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng thuốc hợp lý an toàn theo quy chế dược chính của Bộ Y tế.

Khoa Hồi sức cấp cứu

Khoa Cấp cứu - là khoa lâm sàng có chức năng: Tiếp nhận khám, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc toàn diện bệnh nhân cấp cứu nặng có chức năng sống bị đe dọa cần thiết phải hỗ trợ bằng các thiết bị kỹ thuật y tế đặc biệt thuộc lĩnh vực các bệnh Truyền nhiễm và Nhiệt đới.
Khoa Cấp cứu - Điều trị tích cực có nhiệm vụ thực hiện quy chế của khoa Lâm sàng, Hồi sức cấp cứu trong Quy chế bệnh viện

do Bộ Y tế ban hành. Cán bộ, viên chức của Khoa phải có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực, phẩm chất của người cán bộ y tế.

Khoa xét nghiệm

Khoa Xét nghiệm là khoa cận lâm sàng, có chức năng: Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm về huyết học, sinh hóa, vi sinh, kỹ sinh trùng, sinh học phân tử, miễn dịch... phục vụ cho việc chẩn đoán, xác định nguyên nhân gây bệnh, theo dõi diễn tiến của bệnh nhân trong quá trình điều trị.

Khoa chẩn đoán hình ảnh, nội soi

Khoa chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng là khoa cận lâm sàng có chức năng: Thực hiện các kỹ thuật tạo ảnh y học bằng các thiết bị X-Quang, siêu âm, cắt lớp, cộng hưởng từ, và thực hiện các kỹ thuật nội soi, thăm dò chức năng...

Khoa khám bệnh

Khoa Khám bệnh là khoa lâm sàng có chức năng: Tiếp đón, khám chữa bệnh ngoại trú, chọn lọc bệnh nhân vào điều trị nội trú, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người bệnh.

Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

Khoa Chống nhiễm khuẩn là khoa cận lâm sàng có chức năng: Thực hiện khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ, trang thiết bị y tế, buồng bệnh và chất thải; Giám sát, kiểm tra đôn đốc các khoa, phòng thực hiện quy chế chống nhiễm khuẩn và xử lý chất thải bệnh viện.
Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc phân công.

Khoa Đông Y - Phục hồi chức năng

Khoa Đông y - Phục hồi chức năng điều trị bệnh nhân bằng phương pháp y học cổ truyền như châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, sử dụng thuốc bắc... Bên cạnh đó, khoa còn khám chữa bệnh Đông - Tây y kết hợp, phối hợp chặt chẽ với các khoa Lâm sàng, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng... trong bệnh viện nhằm phát huy thế mạnh của 2 nền y học Đông - Tây y để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.



Công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Loại hình	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần bệnh viện mắt quốc tế TNH Nguyễn	Công ty liên kết	328 Lương Ngọc Quyến, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	70.000.000.000đ	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	45%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Sản nhi Quốc tế TNH	Công ty liên kết	328 Lương Ngọc Quyến, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	90.000.000.000đ	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	48%

2.4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Ông Hoàng Tuyên

Ông Hoàng Tuyên	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Giới tính	Nam
Ngày sinh	30/09/1965
Nơi sinh	Ba Bể - Bắc Kạn
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	013177543 do CATP Hà Nội cấp ngày 28/03/2009
Dân tộc	Tày
Địa chỉ thường trú	1514 CTSX2, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ đa khoa
Quá trình công tác:	
Từ 1995 - 1999	Giám định viên BHYT - Bảo hiểm Tỉnh Thái Nguyên.
Từ 1999 - 2003	Nhân viên - Ban tổ chức cán bộ bảo hiểm y tế Việt Nam.
Từ 2003 - 2009	Nhân viên - Ban kiểm tra bảo hiểm xã hội Việt Nam.
Từ 2009 - 2013	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bệnh viện đa khoa trung tâm Thái Nguyên.
Từ 2013 - Nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty
Số cổ phần sở hữu	4.000.000 CP tương đương 9,64% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Ông Hoàng Thao (anh trai) - 1.000.000 CP tương đương 2,41% VDL

b. Ông: Lê Xuân Tân

Ông Lê Xuân Tân	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ngày sinh	01/08/1951
Nơi sinh	Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ chuyên khoa II Ngoại khoa
Quá trình công tác:	
Từ 06/1972 - 08/1975	Bộ đội - Bệnh viện C18 quân khu 5
Từ 01/1978 - 05/1992	Bí thư Đảng ủy; Trưởng khoa Ngoại Sản - Bệnh viện Công ty Than 3 - Bộ Năng Lượng
Từ 06/1992 - 12/1997	Bí thư chi bộ; Giám đốc - Trung tâm Y tế huyện Phố Yên - Tỉnh Thái Nguyên
Từ 01/1998 - 10/2011	Bí thư Đảng ủy; Giám đốc - Bệnh viện C tỉnh Thái Nguyên
Từ 11/2011 - 2013	Giám đốc - Trung tâm trị liệu ung thư Bệnh viện C Thái Nguyên - Gammarstar
Từ 2013 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
Số cổ phần sở hữu	1.588.2000 CP tương đương 3,83% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Bà Phùng Thị Thông (vợ) - 1.245.000 CP tương đương 3% VDL

c. Ông: Nguyễn Văn Thuý

Ông Nguyễn Văn Thuý	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ngày sinh	24/04/1995
Nơi sinh	Nam Tiến, Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú	Xóm Vàng, Tân Hưng, Phố Yên, Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Trung cấp xây dựng
Quá trình công tác:	
Từ 1972 - 1981	Kỹ thuật - Công ty Xây lắp luyện kim
Từ 1981 - 1989	Tự do
Từ 1989 - nay	Giám đốc Công ty TNHH Xuân Thuý
Từ 2013 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần sở hữu	2.346.400 CP tương đương 5,65% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

d. Ông Nguyễn Xuân Đón

Ông Nguyễn Xuân Đón	Thành viên HĐQT
Ngày sinh	05/01/1964
Nơi Sinh	Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
1980 - 1984	Nhân viên XI nghiệp liên hợp Gang thép (nay là CTCP Gang thép Thái Nguyên)
1984 - 2015	Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT XI nghiệp cán kéo thép Hiệp Linh (nay là CTCP Đầu tư và thương mại Hiệp Linh)
T6/2020 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị
Số cổ phần sở hữu	1.647.300 CP tương đương 3,97% VDL
Những người liên quan nắm giữ cổ phần	Nguyễn Xuân Hiệp (con trai) - 1.800.000 CP tương đương 4,34% VDL Nguyễn Thị Thuý Linh (con gái) - 708.000 CP tương đương 1,71% VDL

e. Ông Vũ Hồng Minh

Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên HĐQT
Ngày sinh	14/11/1969
Nơi sinh	Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư luyện kim
Quá trình công tác	
Từ 1993 - 1998	Sinh viên Đại học Bách Khoa
Từ 1997 - 2000	Cán bộ Sở Công nghiệp và Khoa học công nghệ môi trường tỉnh Bắc Kạn
Từ 2000 - 2005	- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc
Từ 2005 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc
Số phần sở hữu	0 CP tương đương 0% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu (vợ) - 1.546.000 CP tương đương 3,73% VDL

BAN KIỂM SOÁT

a. Ông Vũ Văn Thành

Ông Vũ Văn Thành	Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/11/1993
Nơi sinh	Ninh Bình
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
2019 - T8/2020	Kế toán Hợp tác xã Thủy tinh Dân chủ
T6/2020 - 17/08/2020	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Từ 01/08/2020 - nay	Trưởng phòng quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Từ 17/08/2020 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Số cổ phần sở hữu	399.244 CP chiếm 0,96% VDL

b. Bà Lê Thị Hào

Bà Lê Thị Hào	Thành viên Ban kiểm soát
Ngày sinh	06/05/1984
Nơi sinh	Tân Yên, Bắc Giang
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
Từ 2006 - 2013	Kế toán viên CTCP Xây dựng và Thương mại Ninh Bình
Từ 2013 - nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH Xuân Thủy
Từ T6/2020 - 17/08/2020	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Từ 17/08/2020 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
Số cổ phần sở hữu	0 CP chiếm 0% VDL

c. Ông Hoàng Thăng

Ông Hoàng Thăng	Thành viên Ban kiểm soát
Ngày sinh	22/04/1991
Nơi sinh	Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 2016 - nay	Nhân viên Công ty Cổ phần Pepsi Việt Nam
T6/2020 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên
Số cổ phần sở hữu	0 CP chiếm 0% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Ông Hoàng Thao (cha đẻ) - 1.000.000 CP tương đương 2,41% VDL Bà Cao Thị Hồng (mẹ đẻ) - 229.100 CP tương đương 0,55% VDL Bà Cao Thị Cẩm Anh (vợ) - 430.844 CP tương đương 1,04% VDL

2.5. VỊ THẾ



ĐIỂM MẠNH

1. Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 2/2014, bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị hiện đại như máy chụp cắt lớp vi tính 64 dãy – một trong những thiết bị hiện đại nhất được sử dụng tại các cơ sở y tế ở các tỉnh miền núi phía bắc; máy chụp cộng hưởng từ máy nổi soi màu 0.4 chiều; hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa, huyết học, miễn dịch hoàn toàn tự động; hệ thống máy phẫu thuật nổi soi nội soi chẩn đoán; hệ thống máy thở hiện đại.

2. Bệnh viện có đội ngũ y bác sĩ có chuyên môn cao. Bệnh viện có 176 lao động là bác sĩ, còn lại là điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ sinh ... Trong đó bác sĩ có trình độ chuyên khoa I và thạc sĩ trở lên là 82 người. Ngoài ra còn có hơn 40 giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ của các bệnh viện trung ương thường xuyên tham gia khám bệnh, hội chẩn trực tiếp tại bệnh viện. Bệnh viện đã và đang liên kết với các bệnh viện của Hàn Quốc và Thái Lan nhằm nâng cao công tác chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.

ĐIỂM YẾU

1. Hiện nay, với 3 cơ sở trên toàn tỉnh, quy mô gần 2000 giường bệnh nhưng bệnh viện luôn rơi vào tình trạng quá tải.

2. Nhu cầu đối với máy móc, trang thiết bị hiện đại phục vụ mục đích khám chữa bệnh chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của Doanh nghiệp.

3. So với các bệnh viện công trên địa bàn tỉnh, mức phí khám chữa bệnh của Bệnh viện vẫn còn cao, chưa dễ tiếp cận đối với các tầng lớp nhân dân.



CƠ HỘI

1. Bệnh viện nằm gần nhà máy lớn nhất châu Á của tập đoàn Samsung có quy mô hơn 180.000 công nhân và cán bộ trong khu công nghiệp – đây được xem là nguồn thu lớn cho bệnh viện.

2. Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên nằm ngay trên địa bàn tỉnh, cung cấp nguồn lao động chất lượng, được đào tạo chính quy cho bệnh viện.

THÁCH THỨC

Các bệnh viện khác trong tỉnh Thái Nguyên cũng đang ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ, tiến hành đầu tư xây mới cơ sở vật chất.



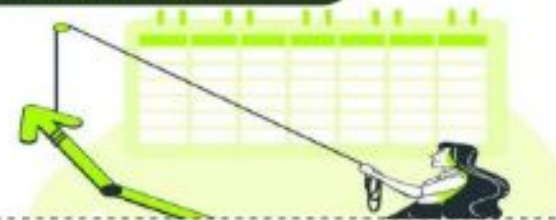
Vị thế trong ngành

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là một bệnh viện ngoài công lập, bắt đầu hoạt động từ năm 2014. Bệnh viện được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh chất lượng cao của nhân dân ở tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận, một khu vực có nhu cầu khám chữa bệnh của người dân rất cao và thường xuyên xảy ra tình trạng quá tải tại các bệnh viện công lập. Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là bệnh viện được đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô, hiện đại và đồng bộ vào loại bậc nhất của tỉnh Thái Nguyên. Một số công nghệ phục vụ khám chữa bệnh và quản lý được áp dụng tại bệnh viện như Hệ thống chụp cắt lớp 64 dãy, phần mềm quản lý bệnh viện hay hệ thống camera giám sát... là những hệ thống chưa được bệnh viện nào khác ở tỉnh Thái Nguyên sử dụng.

Về nhân lực, bệnh viện có sự phục vụ của đội ngũ y bác sĩ có trình độ cao và giàu kinh nghiệm và được sự hỗ trợ thường xuyên của các bác sĩ đầu ngành đến từ các bệnh viện Trung ương. Bệnh viện cũng đã thực hiện được nhiều kỹ thuật khám chữa bệnh phức tạp như mổ thoát vị đĩa đệm, tán sỏi laser...

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên luôn hướng tới trở thành một bệnh viện có chất lượng dịch vụ chăm sóc y tế cao cấp và chuyên nghiệp, luôn đổi mới, làm hài lòng khách hàng bằng chất lượng khám chữa bệnh và dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất, với giá trị cốt lõi là tinh chuyên nghiệp, hiệu quả công việc, tinh trung thực, tinh thần đồng đội và thái độ tích cực.

2.6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Định hướng phát triển trung và dài hạn:

Về quy mô

Mở rộng mô hình bệnh viện tư nhân sang các tỉnh lân cận như Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn ... để phục vụ hầu hết người dân các tỉnh vùng trung du miền núi Đông Bắc Bộ.

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán, trở thành một trong những bệnh viện đầu tiên có cổ phiếu niêm yết, từ đó khẳng định vị thế trong ngành Y Tế tỉnh Thái Nguyên nói riêng và khu vực miền Bắc nói chung.

Doanh nghiệp hướng tới mục tiêu sở hữu các bệnh viện hàng đầu Việt Nam về dịch vụ và chất lượng khám chữa bệnh, trở thành điểm đến uy tín cho người bệnh cả trong và ngoài nước.

Về nhân sự

Tiếp tục thu hút nhân sự có trình độ, kinh nghiệm; tuyển dụng từ nguồn nhân lực

chất lượng cao từ các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn và các tỉnh lân cận; đào tạo nhân lực không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn chuyên nghiệp trong dịch vụ, với mục tiêu sự hài lòng của người bệnh là ưu tiên của Doanh nghiệp.

Bệnh viện đã và đang liên kết với các bệnh viện của Hàn Quốc và Thái Lan nhằm nâng cao công tác chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.

Về dịch vụ khám chữa bệnh, đầu tư cơ sở vật chất

Duy trì, củng cố chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo dịch vụ khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên cho các doanh nghiệp trên toàn tỉnh và tiến hành mở rộng tệp khách hàng doanh nghiệp, đảm bảo doanh thu từ nguồn này ở mức tăng trưởng ổn định.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế hiện đại nhập khẩu từ các nhà thầu, nhà cung cấp uy tín giàu kinh nghiệm.

2.7. RỦI RO

2.7.1 Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách phát triển ngành... Những rủi ro này sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

2.7.2 Rủi ro về lạm phát

Rủi ro về tỷ giá

Sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu trang thiết bị, máy móc, dược phẩm của Công ty. Công ty sẽ theo dõi chặt chẽ xu hướng tỷ giá và có những ứng biến kịp thời để giảm thiểu rủi ro này.

Năm 2020, theo Tổng cục Thống kê, 5 tháng đầu năm 2020, CPI vẫn tăng 4,39% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân khiến CPI các tháng đầu năm tăng là do các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đặc biệt là giá thịt lợn tăng cao, liên tục thiết lập mặt bằng giá mới. Mặc dù Chính phủ đã có chỉ đạo nhập khẩu thịt lợn, tuy nhiên giá thịt lợn tại các chợ dân sinh, siêu thị vẫn chưa giảm được như kỳ vọng. Có thể thấy, mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới ngưỡng 4% của năm 2020 vẫn là một thách thức.

Rủi ro lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược mua sắm, đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty giao nhiệm vụ cho Phòng Tài chính - Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của tỷ giá, lãi suất, cân đối nguồn thu ngoại tệ và tỷ lệ vay nợ ngoại tệ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

2.7.3 Rủi ro hoạt động kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh

Rủi ro từ hoạt động chuyên môn

Bệnh viện là một trong những môi trường có nguy cơ cao về việc lây nhiễm dịch bệnh, xuất phát từ nguyên nhân chủ quan do việc không làm tốt công tác kiểm soát nhiễm khuẩn nội bộ hoặc do nguyên nhân khách quan từ các tác nhân bên ngoài xâm nhập, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp như hiện nay.

Trong công tác khám chữa bệnh, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, sự cố tai biến y khoa luôn có thể xảy ra bất cứ lúc nào, đối với bất cứ bệnh viện nào, kể cả các bệnh viện công lập. Đây cũng là rủi ro lớn nhất và thường xảy ra, không như dịch bệnh lây nhiễm nhiều năm mới xảy ra một lần và gây ảnh hưởng lớn như dịch Covid-19 vừa qua.

Vì vậy, Công ty luôn chú trọng đào tạo, thường xuyên trao đổi, nâng cao trình độ y bác sĩ; kiểm soát chặt chẽ, đầy đủ và cẩn thận quy trình khám chữa bệnh; xây dựng cơ bản các phòng kỹ thuật, phòng điều trị khang trang hiện đại cùng với các trang thiết bị y tế hiện đại, đồng bộ nhằm giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động.

Rủi ro nguồn nhân lực

Đối với lĩnh vực Y tế, uy tín và hoạt động của Bệnh viện dựa trên đội ngũ các y, bác sĩ và điều dưỡng viên có kinh nghiệm và chuyên môn cao. Gắn đây, việc xuất hiện và mở rộng của các doanh nghiệp tư nhân làm cho sự cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh của cả bệnh viện tư và bệnh viện công trở nên gay gắt hơn, dẫn đến tình trạng thiếu nguồn nhân lực y tế có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Để duy trì đội ngũ y, bác sĩ và điều dưỡng viên chuyên nghiệp luôn tận tâm phục vụ, nhằm mang đến cho khách hàng những dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất, Bệnh viện đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm nâng cao thu nhập và tạo ra sự gắn bó giữa người lao động với Bệnh viện. Ngoài ra, Bệnh viện thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các chương trình đào tạo tại các nước có ngành y tế phát triển nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.



2.7.4 Rủi ro thương mại

Hiện nay, trên 90% nguyên liệu sản xuất thuốc được nhập từ nước ngoài, sử dụng khoảng 400/1.000 hoạt chất. Đặc biệt, các loại tân dược đặc trị hầu hết đều phải nhập khẩu. Do đó, sự tăng giá nguyên vật liệu sản xuất dược phẩm sẽ phần nào dẫn đến sự tăng giá các loại dược phẩm, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

Mặt khác, các trang thiết bị y tế của Công ty được đầu tư đồng bộ, cập nhật các công nghệ cũng như kỹ thuật hiện đại nhất hiện nay nên hầu hết được nhập khẩu từ nước ngoài. Vì vậy, việc bảo quản, bảo trì hay thay thế các bộ phận của các thiết bị trên khá khó khăn.



2.7.5 Rủi ro pháp luật

Hiện nay do vẫn còn một số vấn đề về chính sách nên vẫn chưa có sự công bằng trong quản lý hành chính giữa bệnh viện công và bệnh viện tư nhân. Vì dụ, cùng một sai phạm về xử lý môi trường, bệnh viện tư nhân có thể bị đóng cửa hoặc tạm dừng hoạt động, còn bệnh viện công lập thì khó có thể xảy ra trường hợp này... Việc khám chữa bệnh cho các đối tượng có thể BHYT vẫn còn nhiều bất cập. Mặc dù bệnh viện đã bỏ tiền mua thuốc, vật tư điều trị cho Bệnh nhân nhưng nếu bị vượt trần, vượt quỹ vẫn bị cơ quan bảo hiểm xã hội trừ hoặc không thanh toán. Tuy nhiên, khi người bệnh có thể bảo hiểm y tế, Bệnh viện vẫn phải tiếp nhận và điều trị, kể cả biết sẽ bị xuất toán.

Để phòng trừ rủi ro bị xuất toán tiền khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế, Bệnh viện hiện đang triển khai các công tác sau:

- Xây dựng phác đồ điều trị
- Kiểm tra sự tuân thủ phác đồ
- Xử lý khi có trường hợp phát sinh ngoài phác đồ điều trị đã quy định
- Biên pháp xác định có "vượt trần" "vượt quỹ" để tránh bị xuất toán

03.

Tình hình hoạt động trong năm

- 3.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 3.2. Tổ chức và nhân sự
- 3.3. Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- 3.4. Tình hình tài chính
- 3.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu



3.1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành trong năm

Dân số Việt Nam hiện nay là trên 98 triệu dân, và được dự báo sẽ chạm mốc hơn 100 triệu người trong vòng 10 năm tới. Thêm vào đó, dân số Việt Nam cũng được dự đoán sẽ bước vào giai đoạn già hóa kéo dài khoảng 30 năm, bắt đầu từ năm 2020, trước khi bước vào giai đoạn dân số già. Như vậy có thể thấy nhu cầu khám chữa bệnh của người dân Việt Nam trong tương lai sẽ rất lớn khi dân số tăng và số người trong độ tuổi có nhu cầu lớn về khám chữa bệnh cũng tăng.

Nghiên cứu thị trường mới đây của Ngân hàng Thế giới đã dự báo: tính đến năm 2020, thị trường ngành y tế dịch vụ chăm sóc sức khỏe của Việt Nam sẽ tăng trưởng gấp ba lần kể từ năm 2010. Nghiên cứu cũng cho biết, thị trường chăm sóc sức khỏe Việt Nam sẽ sớm vượt qua các quốc gia trong khu vực như Malaysia, Thái Lan và Indonesia. Tăng trưởng kinh tế và dân số đang thúc đẩy nhu cầu về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe trên khắp đất nước Việt Nam, đặc biệt là hai trung tâm kinh tế Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh.

Thị trường y tế và thiết bị y tế Việt Nam có tiềm năng rất lớn. Theo Business Monitor International (BMI), chi phí chăm sóc sức khỏe của người Việt Nam ước tính đạt khoảng 16,1 tỷ USD trong năm 2017, chiếm 7,5% GDP. BMI dự báo chi tiêu y tế sẽ tăng lên 22,7 tỷ USD vào năm 2021, ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) khoảng 12,5% từ năm 2017 đến năm 2021. Tuy nhiên, việc tăng chi tiêu y tế không đồng nghĩa với việc tăng chất lượng y tế được cung cấp.

Hiện tại cơ sở vật chất khám chữa bệnh tại Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân, đặc biệt là các bệnh viện ở tuyến địa phương, khi liên tục xảy ra tình trạng quá tải tại các bệnh viện lớn và các bệnh viện ở tuyến trung ương. Vì vậy, những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Do đó, hệ thống y tế ngoài công lập đã phát triển và đóng góp vào kết quả chung của ngành y tế. Hệ thống các phòng khám, các bệnh

viện ngoài công lập được đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế, huy động các nguồn nhân lực, tổ chức hoạt động khám chữa bệnh hiệu quả, nhanh chóng, thuận tiện, giảm phiền hà cho người bệnh đồng thời góp phần giảm tình trạng quá tải cho các cơ sở y tế công lập.

Với dự báo về tốc độ gia tăng và già hóa dân số, cũng như phương hướng chính sách của các cơ quan quản lý, triển vọng phát triển ngành Y tế tại Việt Nam trong tương lai được đánh giá là khả quan. Cùng tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam có nhiều khả quan, nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân sẽ tăng lên với các yêu cầu khác nhau về chất lượng, giá cả, hiệu quả điều trị do đó ngành y tế còn nhiều tiềm năng để phát triển, đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, lĩnh vực kinh tế của tỉnh Thái Nguyên đã có những bước phát triển vượt bậc, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11,9%/năm, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra.

Trong đó, công nghiệp - xây dựng trung bình tăng 14,5%, dịch vụ trung bình tăng 7,3%; nông lâm thủy sản tăng trung bình 3,8% mỗi năm. GDP bình quân đầu người tăng từ 51 triệu đồng một người năm 2015 lên 90 triệu đồng một người năm 2020, gấp 1,76 lần so với năm 2015. Năng suất lao động bình quân chung các ngành kinh tế của tỉnh năm 2020 là trên 140 triệu đồng một lao động, tăng gấp 1,5 lần. Kết quả này đã đưa Thái Nguyên là một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao của cả nước. Theo kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số gần nhất, tính đến thời điểm ngày 1/4/2019, dân số tỉnh Thái Nguyên là 1.286.751 người, là tỉnh đông dân thứ 27 toàn quốc và đứng thứ 3 các tỉnh trong vùng Trung du miền núi phía Bắc. Sau 10 năm, dân số tỉnh Thái Nguyên tăng 163.635 người, tỷ lệ tăng dân số bình quân là 1,36%/năm.

Tỉnh có 410.267 người cư trú ở khu vực thành thị, chiếm 31,9% tổng dân số; 876.484 người cư trú ở khu vực nông thôn, chiếm 68,1%, tổng dân số của tỉnh. Năm 2019, tỷ lệ dân số thành thị của tỉnh đứng thứ 18 so với cả nước và đứng đầu trong số các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Nhờ tốc độ tăng dân số và tình hình kinh tế xã hội phát triển của tỉnh Thái Nguyên, lĩnh vực y tế tư nhân của tỉnh Thái Nguyên tiếp tục là một lĩnh vực tiềm năng, có nhiều cơ hội phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh với các dịch vụ hiện đại, chuyên nghiệp ngày càng tăng cao của người dân địa phương.

Kết quả thực hiện kế hoạch

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	375	336	89,6
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	120	109	90,8

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty mặc dù chưa đạt được kế hoạch đề ra nhưng cũng đã đạt gần 90%, tăng 22% so với năm 2019. Theo đó lợi nhuận sau thuế cũng đạt hơn 90% so với kế hoạch. Mặc dù Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II đi và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động vào cuối năm 2020, nhưng do các tác động không nhỏ của dịch bệnh đến số lượng bệnh nhân đến khám chữa bệnh ở nửa đầu năm. Dự kiến trong năm 2021, khi dịch bệnh được kiểm soát và việc tiêm chủng vaccine toàn dân được thực hiện, với sự mở rộng quy mô của Doanh nghiệp, doanh thu các năm tiếp theo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ.

Các chỉ tiêu chuyên môn đã thực hiện năm 2020

Đơn vị: lượt

Đơn vị	Ngoại trú	Nội trú						
		Phục hồi chức năng	Hồi sức cấp cứu	Khoa Liên chuyên khoa	Khoa Nội	Khoa Sản	Khoa Ngoại	Khoa Nhi
Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	195.683	1.286	1.622	2.198	3.182	2.476	3.136	3.241
Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên	95.576	835	1.174	1.136	2.000	1.541	1.995	2.208
Tổng	291.259	2.121	2.796	3.334	5.182	4.017	5.131	5.449

Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020

Tiêu chí	Đơn vị	2019	2020	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	VND	275.448.933.320	335.604.966.911	22%
Lợi nhuận gộp	VND	108.426.778.964	155.687.796.095	44%
Lợi nhuận trước thuế	VND	93.349.741.862	11.979.118.993	20%
Lợi nhuận sau thuế	VND	88.824.433.877	108.969.174.901	23%

Năm 2020 Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên ghi nhận doanh thu thuần 335,5 tỷ, tăng 22% so với năm 2019, và chi phí giá vốn hàng bán chỉ tăng 8% từ 167 tỷ đồng lên gần 179 tỷ đồng. Do đó lợi nhuận gộp 2020 tăng lên gần 112 tỷ, tương ứng 20% so với năm trước.

Trong khi đó, chi phí hoạt động tài chính tăng từ hơn 8,3 tỷ lên hơn 28 tỷ. Mức chi phí hoạt động tài chính tăng cao như vậy là do lãi vay từ các khoản vay ngắn và dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn với tổng giá trị vay là 43,069 tỷ, bao gồm 3 hợp đồng tín dụng cuối năm 2019. Các khoản vay dài hạn lần lượt có hạn mức là 29,6 tỷ tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Thái Nguyên, 7,62 tỷ tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên và 5,8 tỷ từ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên. Việc chi trả lãi cho các khoản vay phát sinh này đã khiến chi phí tài chính của doanh nghiệp tăng đột biến. Việc vay vốn này là cần thiết

nhằm bổ sung vốn lưu động và đầu tư vào tài sản của doanh nghiệp trong quá trình mở rộng quy mô, tăng số lượng giường bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lên gần 15,2 tỷ, tăng 133% so với năm trước. Sau khi Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động, số lượng cán bộ công nhân viên, các y bác sĩ tăng lên, do vậy chi phí nhân công của Doanh nghiệp cũng tăng mạnh.

Tuy một số chi phí tăng cao, nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 23% so với năm trước, đạt gần 109 tỷ đồng. Điều đó cho thấy Công ty đã làm tốt trong công tác quản lý chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận. Do hoạt động trong ngành Bệnh viện, thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ chiếm 5% lợi nhuận trước thuế, đây là một lợi thế rất lớn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

Cơ cấu doanh thu theo nhóm dịch vụ

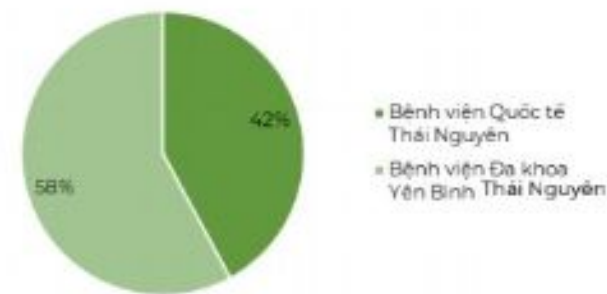
Doanh thu thuần theo nhóm dịch vụ	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	271.885.114.979	98,71%	333.602.315.993	99,34%
Doanh thu dịch vụ khám sức khỏe	817.815.000	0,30%	1.559.449.238	0,46%
Doanh thu thấu	48.727.269	0,02%	123.636.327	0,04%
Doanh thu khác	2.697.276.070	0,98%	539.278.015	0,16%
Tổng cộng	275.448.933.318	100%	335.824.679.573	100%

Doanh thu của Công ty gần như toàn bộ đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, luôn chiếm đến khoảng 99% trên tổng cơ cấu doanh thu bởi đây là dịch vụ kinh doanh chính của Công ty. Có thể thấy, tuy doanh thu từ dịch vụ khám sức khỏe chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ nhưng đã tăng gần gấp đôi chỉ sau 01 năm, từ hơn 817 triệu đồng lên hơn 1,5 tỷ đồng. Đây là một mức tăng ấn tượng, thể hiện tiềm năng phát triển của bệnh viện trong mảng dịch vụ này.

Cơ cấu doanh thu theo hai bệnh viện

STT	Bệnh viện	Doanh thu (VND)	Tỷ trọng (%)
1	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	194.517.540.080	57,92%
2	Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên	141.307.139.493	42,08%
Tổng		335.824.679.573	100%

Mặc dù đi vào hoạt động sau, dự án Bệnh viện Đa khoa Yên Bình vẫn chứng tỏ được tiềm năng khai thác rất lớn khi chiếm tới 42,08% doanh thu của toàn công ty. Dự kiến khi Bệnh viện Đa khoa Yên Bình giai đoạn II hoàn thành, có thể đón tiếp ngày càng nhiều người dân đến khám bệnh, doanh thu của Công ty sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ.



3.2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi của Ban điều hành trong năm

STT	Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	24/06/2020	-
2	Ông Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên HĐQT không điều hành	24/06/2020	-
3	Ông Lương Đình Hiến	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	29/03/2017	24/06/2020
4	Ông Nguyễn Vũ Phương	Thành viên HĐQT không điều hành	29/03/2017	24/06/2020
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT không điều hành	29/03/2017	24/06/2020
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	Thành viên HĐQT không điều hành	29/03/2017	24/06/2020
7	Nguyễn Thị Thủy Dương	Trưởng BKS	22/03/2019	24/06/2020
8	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Thành viên BKS	22/03/2019	24/06/2020
9	Hứa Thị Hoa Linh	Thành viên BKS	22/03/2019	24/06/2020
10	Vũ Văn Thành	Trưởng Ban BKS	24/06/2020	-
11	Lê Thị Hào	Thành viên BKS	24/06/2020	-
12	Hoàng Thắng	Thành viên BKS	24/06/2020	-



Nhân sự và chính sách nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	303	42,1%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	393	54,7%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	11	1,5%
4	Lao động phổ thông	12	1,7%
II Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	584	81,2%
2	Lao động gián tiếp	135	18,8%
III Theo giới tính			
1	Nam	209	29,1%
2	Nữ	510	70,9%
Tổng cộng		719	Tỷ trọng

Chính sách nhân sự

Chính sách đào tạo

Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

- Nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng bệnh viện.

- Trang bị kiến thức các kỹ năng về nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý hành chính, quản lý bệnh viện và bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:

- Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn viên chức quản lý và kế hoạch đào tạo được xây dựng hàng năm theo nhu cầu cụ thể.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.

- Khuyến khích tinh thần học tập nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công tác, nhiệm vụ.

- Đảm bảo thực hiện đúng các chế độ đào tạo theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của bệnh viện.

Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty đã và đang tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cao, có nhiều ý tưởng trong nghiên cứu mang lại lợi ích cho Công ty.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.

3.3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Kế hoạch đầu tư Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2: Từ năm 2021 đến năm 2024 đầu tư xây dựng thêm 150 giường bệnh, nâng tổng số giường bệnh của Bệnh viện lên thành 300 giường với tổng mức đầu tư là 498,48 tỷ đồng.



Nội dung đầu tư

Dự án đầu tư Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2 được thực hiện theo Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên. Cụ thể, từ năm 2021 đến năm 2024, Công ty sẽ tiến hành đầu tư xây dựng thêm 150 giường bệnh, nâng tổng số giường bệnh của Bệnh viện từ 150 giường như hiện tại lên thành 300 giường. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư dự án là 498,48 tỷ đồng. Trong đó giai đoạn 1 đã đầu tư 270,82 tỷ đồng, và giai đoạn 2 đang chuẩn bị đầu tư với số vốn 227,66 tỷ đồng.

Nguồn vốn thực hiện

Công ty dự kiến sử dụng một phần nguồn vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, 2020 để thực hiện đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2 với giá trị 127,66 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ 56% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 và sẽ huy động từ các tổ chức tín dụng với giá trị khoảng 100 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ huy động dự kiến khoảng 44% tổng mức đầu tư giai đoạn 2.

Tiến độ triển khai đến thời điểm hiện nay

Hiện nay, dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2 đang trong quá trình hoàn thiện hồ thiết kế bản vẽ công trình nhưng chưa triển khai thi công. Điều này là do Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 1 kể từ khi đi vào hoạt động đến nay chưa được 01 năm, hiện đã sử dụng vượt công suất khoảng 200% với số giường thực kê là 302 giường trên tổng số trên giường kế hoạch là 150 giường. Mặc dù vậy, đây chưa phải công suất tối đa mà Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên có thể đáp ứng, với mức công suất tối đa dự kiến là 350 đến 400 giường. Đồng thời, theo tiến độ đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2 đã được phê duyệt, hiện tại chưa phải là thời điểm dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn 2 được thi công. Do đó, Công ty chưa gấp rút triển khai dự án này.

Dự kiến hiệu quả kinh doanh

Nếu Bệnh viện đáp ứng tỷ lệ giường bệnh cơ bản là 150 giường, dự kiến doanh thu và chi phí năm đầu tiên hoạt động của Bệnh viện đa khoa Yên Bình giai đoạn II lần lượt là 78.540.000.000 đồng và 44.632.000.000 đồng. Với tỷ lệ tăng trưởng doanh thu/chi phí tăng khoảng 10%/năm, dự kiến dự án sẽ hoàn thành thu hồi vốn sau 06 năm hoạt động.

3.4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Nguồn: BICTC kiểm toán năm 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng/giảm
Tổng tài sản	VND	879.953.204.630	1.157.095.445.221	31%
Doanh thu thuần	VND	275.448.933.320	335.604.966.911	22%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	VND	4.740.652	7.948.015	67,7%
Lợi nhuận khác	VND	13.600.000	10.051.235	-26,09%
Lợi nhuận trước thuế	VND	93.349.741.862	111.979.118.993	20%
Lợi nhuận sau thuế	VND	88.824.433.877	108.969.174.901	23%

Tổng doanh thu năm 2020 của doanh nghiệp đạt gần 335,6 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2019. Tổng tài sản tăng mạnh do năm 2020 Doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị khám chữa bệnh, phục vụ công tác khám chữa bệnh. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng mạnh, nhưng không đáng kể trong cơ cấu lợi nhuận, năm 2020 chỉ hơn 8 triệu đồng. Việc doanh thu tăng tới 22% và công tác quản lý chi phí hợp lý đã góp phần thúc đẩy lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp cũng tăng 20%.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng/giảm
1. Hệ số khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,46	1,32	-2,15
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,42	1,23	-2,18
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	39,94	44,90	4,97%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	66,49	81,5	15,01%
3. Hệ số năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	42,64	22,58	-20,05
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,31	0,33	-0,07
Hệ số khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	32,25	32,47	0,22%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (ROE)	%	18,35	18,69	0,34%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	12,74	10,70	-2,04%
- Hệ số lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	33,97	33,41	-0,57%

Hệ số khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Doanh nghiệp giảm 2,15 lần so với năm 2019, dừng ở mức 1,32 lần. Hệ số thanh toán nhanh giảm 2,18 lần, còn 1,23 lần. Việc giảm các hệ số khả năng thanh toán là do trong năm, doanh nghiệp đã vay thêm các khoản vay mới, trong đó, nợ dài hạn của công ty đã tăng từ hơn 85 tỷ lên hơn 338 tỷ đồng. Việc vay vốn sẽ giúp doanh nghiệp bổ sung nguồn lực trong việc tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng cho dự án Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Yên Bình Thái Nguyên.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng và tăng lần lượt là 4,97% và 15,01%. Năm 2020, Công ty đã thực hiện vay các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn để đầu tư tài sản, mua sắm trang thiết bị, xây dựng tài sản cố định. Tổng nợ phải trả của công ty là 519,6 tỷ, tăng hơn 168 tỷ đồng so với năm 2019. Mức độ vay nợ của Doanh nghiệp để tài trợ cho tài sản vẫn đang ở mức an toàn và Công ty vẫn đang kiểm soát vay nợ hợp lý và ổn định.

Hệ số năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 42,64 xuống còn 22,58. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán chỉ tăng 8% trong khi hàng tồn kho của doanh nghiệp đã tăng 144%, từ 4,6 tỷ lên hơn 11 tỷ đồng. Hàng tồn kho của Doanh nghiệp tăng do Công ty đã tích cực mua thêm thuốc, vật tư y tế và hóa chất y tế để phục vụ số lượng bệnh nhân tăng lên đáng kể sau khi Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình đi vào hoạt động. Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản giảm 0,07 lần do tổng tài sản trong năm 2020 đã tăng 31% lên gần 1,2 tỷ từ các hoạt động mua sắm, đầu tư xây dựng, vượt tốc độ tăng 22% của doanh thu. Việc tăng tài sản sẽ là tiền đề để Doanh nghiệp tiếp tục mở rộng quy mô, tăng lượng khách hàng đến khám chữa bệnh, từ đó gia tăng doanh thu vào các năm tiếp theo.

Hệ số khả năng sinh lời

Hai chỉ số quan trọng là ROE và ROA đều có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2020, theo thứ tự, giảm 2,04% và 0,57%, do cả vốn chủ sở hữu và tài sản của Doanh nghiệp đều tăng đáng kể từ hoạt động tăng vốn, mua sắm, xây dựng tài sản, vay vốn từ ngân hàng.



3.5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình cổ phiếu trong năm

Thông tin cổ phiếu	
Vốn điều lệ	415.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	41.500.000 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu lưu hành	41.500.000 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0
Mệnh giá	10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 05/10/2020

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	412	41.500.000	100
1	Cổ đông tổ chức	1	330.000	0,8
2	Cổ đông cá nhân	411	41.170.000	99,2
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	412	41.500.000	100

Danh sách cổ đông lớn

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 05/10/2020

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Hoàng Tuyên	15/4 CTSX2, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội	4.000.000	9,64%
2	Nguyễn Văn Thủy	Xóm Vàng Tân Hương, Phố Yên, Thái Nguyên	2.346.400	5,65%
	Tổng		6.346.400	15,29%

Thay đổi vốn đầu tư của CSH

27.748.000.000 VNĐ

Tháng 03/2012

69.464.000.000 VNĐ

Tháng 12/2016

150.000.000.000 VNĐ

Tháng 02/2017

270.000.000.000 VNĐ

Tháng 12 năm 2017

350.000.000.000 VNĐ

Tháng 03 năm 2018

415.000.000.000 VNĐ

Tháng 03 năm 2019

04.

Báo cáo của ban giám đốc

- 4.1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- 4.2. Tình hình tài chính
- 4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- 4.4. Phương hướng phát triển



4.1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tổng quan

Thị trường ngành Y tế tại Việt Nam hiện nay có thể coi là một thị trường tiềm năng, khi có trên 98 triệu dân, với nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao, cũng như sự hỗ trợ đến từ chính sách của nhà nước. Dân số Việt Nam hiện nay là trên 98 triệu dân, và được dự báo sẽ chạm mốc hơn 100 triệu người trong vòng 10 năm tới. Thêm vào đó, dân số Việt Nam cũng được dự đoán sẽ bước vào giai đoạn già hóa kéo dài khoảng 30 năm, bắt đầu từ năm 2020, trước khi bước vào giai đoạn dân số già. Như vậy có thể thấy nhu cầu khám chữa bệnh của người dân Việt Nam trong tương lai sẽ rất lớn khi dân số tăng và số người trong độ tuổi có nhu cầu lớn về khám chữa bệnh cũng tăng. Y tế tư nhân tiếp tục phát triển cả về quy mô và số lượng. Số bệnh viện tư nhân tăng từ 102 bệnh viện với 5.800 giường bệnh năm 2010 lên 231 bệnh viện (19,4% tổng số bệnh viện) với khoảng 16.000 giường bệnh (5% tổng số giường bệnh, 1,7 giường trên 1 vạn dân) và trên 35.000 phòng khám tư nhân, góp phần đáng kể vào cung cấp dịch vụ y tế, cả khám chữa bệnh và phòng bệnh (cung cấp 43% dịch vụ ngoại trú và 2,1% tổng số dịch vụ nội trú).

Với dự báo về tốc độ gia tăng và già hóa dân số, cũng như phương hướng chính sách của các cơ quan quản lý, triển vọng phát triển ngành Y tế tại Việt Nam trong tương lai được đánh giá là khả quan.

Giai đoạn II của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên cuối năm 2019 đã đi vào hoạt động, hứa hẹn sẽ đóng góp không nhỏ vào doanh thu hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

4.2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020

Chỉ tiêu	2019		2020		Tăng/giảm
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	
A. Tài sản ngắn hạn	340.934.711.955	38,74%	179.662.516.015	15,5%	-47%
B. Tài sản dài hạn	539.018.492.675	61,26%	977.432.929.206	84,5%	81%
Tổng tài sản	879.953.204.630	100%	1.157.095.445.221	100%	31%

Tổng tài sản năm 2020 là gần 1.200 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2019. Tài sản ngắn hạn giảm đến 47% phần lớn là do khoản mục trả trước người bán ngắn hạn giảm mạnh từ 335 tỷ xuống hơn 113 tỷ đồng. Do quá trình hoạt động, xây dựng dự án mở rộng quy mô bệnh viện và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh cho người dân, các khoản trả trước người bán đã được thực hiện và đi vào khoản mục chi phí, trở thành chi phí hoạt động của năm 2020, tạo tiền đề cho mức doanh thu tăng trưởng 22%. Cũng trong năm 2020, việc triển khai đưa hai dự án bệnh viện vào hoạt động đã làm tăng tài sản được đầu tư cho mục tiêu dài hạn của Doanh nghiệp.

Tình hình nợ phải trả

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020

Chỉ tiêu	2019		2020		Tăng/giảm
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	
A. Nợ ngắn hạn	98.412.770.594	28,00%	136.502.988.582	26,3%	39%
B. Nợ dài hạn	253.007.397.630	72,00%	383.090.245.332	73,7%	51%
Nợ phải trả	351.420.168.224	100%	519.593.233.914	100%	48%

Tại thời điểm ngày 31/12/2020, tổng nợ phải trả của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là hơn 519 tỷ đồng, tăng 48% so với năm trước. Nợ ngắn hạn tăng 39% lên hơn 136 tỷ đồng, trong khi đó, nợ dài hạn tăng lên 51%, lên hơn 383 tỷ đồng.

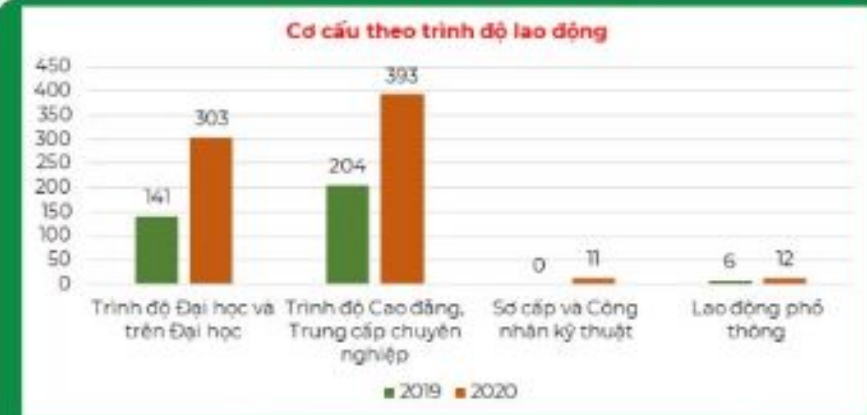
Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 57,8% từ 62,1 tỷ lên 98 tỷ đồng. Trong khi đó, phải trả người bán ngắn hạn tăng 28,5% từ 20,7 tỷ lên 26,6 tỷ đồng.

Nợ dài hạn tăng 51,4% từ 235 tỷ lên 383 tỷ. Trong đó doanh thu chưa thực hiện dài hạn tăng 229% lên 7,76 tỷ, vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng từ 250,63 tỷ lên 375,3 tỷ, tăng 49,74%.

Việc vay vốn tại các ngân hàng nhằm phục vụ mục đích hoàn thiện và đưa hai dự án Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động. Các khoản nợ này đang được doanh nghiệp kiểm soát tốt và mức độ vay nợ ở trong khoảng an toàn.

4.3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
I Theo trình độ lao động						
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	141	303	40,17%	42,14%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	Người	204	393	58,12%	54,66%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	0	11	0%	1,53%
4	Lao động phổ thông	Người	6	12	1,71%	1,67%
II Theo đối tượng lao động						
1	Lao động trực tiếp	Người	351	584	100%	81,22%
2	Lao động gián tiếp	Người	0	135	0%	18,78%
III Theo giới tính						
1	Nam	Người	83	209	23,65%	29,07%
2	Nữ	Người	268	510	76,35%	70,93%
Tổng cộng			351	719	100%	100%



Cơ cấu lao động theo giới tính



Tổng số nhân viên của công ty là 719 người. Trong đó:

- Tổng số PCS, TS, Ths, Bác sỹ đa khoa: 198 người
- Tổng số điều dưỡng: 321 người
- Tổng số Nữ Hộ sinh: 36 người
- Tổng số kĩ thuật viên: 46 người
- Tổng số dược sỹ: 25 người
- Tổng số đội ngũ nhân viên hỗ trợ và các bộ phận liên quan: 93 người.

Ngoài ra Công ty còn hợp tác với hơn 40 giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ của các bệnh viện tuyến trung ương, ở Hà Nội và các Bệnh viện khác thường xuyên tham gia khám bệnh, hội chẩn trực tiếp tại bệnh viện đặc biệt là tất cả các ngày thứ 7 và chủ nhật hoặc hỗ trợ hội chẩn phẫu thuật những ca khó, phức tạp bất cứ lúc nào có nhu cầu được bệnh viện mời đến.

4.4. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng cao của người dân các tỉnh Tây Bắc Bộ, các khó khăn đến từ tình hình kinh tế vĩ mô, bên cạnh đó là diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 nửa đầu năm 2021, Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã đưa ra mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	TH Năm 2020	KH Năm 2021
Doanh thu	335.604.966.911	420.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	108.969.174.901	139.000.000.000
Mức cổ tức	Không quá 30%	Không quá 35%

Đồng thời công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của giai đoạn II Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên cũng Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên, phục vụ nhu cầu người dân trên địa bàn toàn tỉnh, tiếp tục công tác quản trị tốt doanh thu, chi phí để đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong năm 2021 giữ vững mức ổn định.

Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Lập kế hoạch mua sắm thuốc, vật tư, hóa chất sẵn sàng cho công tác khám chữa bệnh, khắc phục giảm dần các thiếu sót trong quá trình khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của hai bệnh viện.

Tập trung làm tốt công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề khám chữa bệnh đối với đội ngũ y bác sĩ. Chuẩn bị đầy đủ nhân sự và phương tiện khám chữa bệnh cho các dự án.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và xây dựng ngày càng hoàn chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thực hiện tổ chức quản lý tài sản, đất đai, máy móc thiết bị y tế sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản của Công ty.

Thực hiện đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động. Thực hiện tốt công tác tối ưu hóa chi phí trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

Phối hợp công đoàn tổ chức các hoạt động văn hóa tinh thần, chăm sóc sức khỏe và cải thiện tốt nhất điều kiện ăn ở, sinh hoạt của CBCNV, phát động các phong trào thi đua có tổng kết đánh giá, khen thưởng kịp thời.



05.

Báo cáo của Hội đồng quản trị

- 5.1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt của Công ty
- 5.2. Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc
- 5.3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT



5.1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT CỦA CÔNG TY

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế. HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt, cùng sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên, y sĩ, bác sĩ và sự ủng hộ của Quý cổ đông, năm 2019 Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, hoàn thành tốt các chỉ tiêu về doanh thu đã đề ra, tiếp tục khẳng định uy tín của Bệnh viện và là tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2020.

Dưới đây là một số các kết quả tự hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được năm 2019 của Doanh nghiệp:

Chỉ tiêu	Thực hiện (Tỷ đồng)		KH 2020	%	
	2019	2020		So với KH	So với 2019
Doanh thu	275,45	335,6	375	89,5	121,8
Lợi nhuận sau thuế	88,83	108,97	120	90,8	122,7

Doanh thu năm 2020 của Công ty đã tăng 21,8% so với năm 2019 lên 335,6 tỷ. Nhờ tối ưu chi phí mà lợi nhuận sau thuế của công ty vẫn tăng 22,7% so với năm trước. Tuy vậy, cả doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp chỉ đạt khoảng 90,8% so với kế hoạch.

5.2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BCG

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản trị Công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám đốc. HĐQT đã chú trọng nhiều cuộc họp về triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty, các cuộc họp liên quan đến bổ nhiệm nhân sự. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 02 buổi họp ĐHBCĐ, và 22 buổi họp Hội đồng quản trị

Kết quả hoạt động của Ban Giám đốc năm 2020

Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết, tay nghề cao trong ngành Y tế cũng như kinh nghiệm điều hành hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và định hướng hoạt động kinh doanh của Bệnh viện. Trong năm 2020, HĐQT đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp

luật, Điều lệ công ty, phương hướng của ĐHBCĐ và HĐQT đã đề ra. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của Công ty, các dự án đầu tư các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới, Ban Giám đốc phối hợp cùng HĐQT đã có các chiến lược, biện pháp chủ động để thích nghi với tình hình thực tế.

Kết luận

Như vậy, Ban Giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động khám chữa bệnh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, tuân thủ đầy đủ và chấp hành các quy trình, quy định để ra theo pháp luật, Điều lệ công ty và định hướng phát triển của Doanh nghiệp, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, Doanh nghiệp và các cán bộ công nhân viên của Bệnh viện.

5.3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Định hướng trung và dài hạn

1. Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý chuyên môn hóa, quản lý chuyên nghiệp, từng bước mở rộng quy mô trong nước và quốc tế
2. Kiểm soát chặt chẽ quản lý chất lượng dịch vụ, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước các biến động kinh tế.
3. Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Giám đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020.
4. Tiếp tục cùng Ban Giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng quy mô Bệnh viện, kinh doanh phát triển bền vững.
5. Đối với các vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự y tá, bác sĩ của Công ty.

Chỉ tiêu kế hoạch năm sau

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu	335.604.966.911	420.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	111.979.118.993	143.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	108.969.174.901	139.000.000.000
Mức cổ tức	Không quá 30%	Không quá 35%

Phương hướng thực hiện

1. Hoạt động cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh là lĩnh vực kinh doanh chính của Doanh nghiệp. Vì vậy, trước những diễn biến của nền kinh tế và dịch bệnh Covid-19, HĐQT đồng hành của Ban Giám đốc tiếp tục duy trì hoạt động, đẩy mạnh tuyển dụng cán bộ y bác sĩ cho Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người bệnh.
2. Đánh giá toàn diện năng lực, quy trình hoạt động kinh doanh cũng như đưa ra những ưu, nhược điểm đang tồn tại, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Công ty, đưa ra các chiến lược chi tiêu hợp lý.

06.

Quản trị công ty

- 6.1. Hội đồng Quản trị
- 6.2. Ban Kiểm soát
- 6.3. Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty
- 6.4. Nâng cao hiệu quả quản trị công ty
- 6.5. Giao dịch giữa công ty và các đối tượng khác
- 6.6. Giao dịch và thù lao
- 6.7. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ
- 6.8. Quản trị Công ty



6.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám đốc.

Năm 2020, sau khi có quyết định khai thác Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên, hai đơn vị chính thức đi vào hoạt động.

HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề về tài chính, đầu tư trang thiết bị và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ mục đích kinh doanh của Bệnh viện.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 02 buổi họp Đại hội đồng cổ đông và 22 buổi họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hoàng Tuyên	Chủ tịch HĐQT	29/03/2017	-	27	100%
2	Lê Xuân Tân	Ủy viên HĐQT	29/03/2017	-	27	100%
3	Nguyễn Văn Thủy	Ủy viên HĐQT	29/03/2017	-	27	100%
4	Vũ Hồng Minh	Ủy viên HĐQT	24/06/2020	-	18	100%
5	Nguyễn Xuân Đôn	Ủy viên HĐQT	24/06/2020	-	18	100%
6	Lương Đình Hiến	Ủy viên HĐQT	29/03/2017	24/06/2020	9	100%
7	Nguyễn Vũ Phương	Ủy viên HĐQT	29/03/2017	24/06/2020	9	100%
8	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ủy viên HĐQT	29/03/2017	24/06/2020	0	-
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Ủy viên HĐQT	29/03/2017	24/06/2020	9	100%

Đánh giá của HĐQT trong năm 2020

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT. Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

Nghị quyết của HĐQT năm 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	90/NQ-HĐQT	13/01/2020	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để đăng ký chứng khoán tập trung và niêm yết chứng khoán	100%
2.	136/QĐ-HĐQT	18/02/2020	Miễn nhiệm ông Lương Đình Hiến khỏi chức vụ Phó TCE Công ty.	100%
3.	189/NQ-HĐQT	10/03/2020	Chốt ngày đăng ký cuối cùng tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội	100%
4.	219/NQ-HĐQT	03/04/2020	Hoãn tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 vì Covid-19	100%
5.	244/NQ-HĐQT	16/04/2020	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020	100%
6.	298/NQ-HĐQT	14/05/2020	Thông qua nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
7.	377/NQ-HĐQT	10/06/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2020	100%
8.	402/NQ-HĐQT	16/06/2020	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn MB Bank 10 tỷ	100%
9.	406/NQ-HĐQT	18/06/2020	Thông qua việc thay đổi ban kiểm phiếu và cập nhật tài liệu họp ĐHĐCĐ	100%
10.	465/NQ-HĐQT	09/07/2020	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty	100%
11.	484/NQ-HĐQT	16/07/2020	Bầu Phó Chủ tịch HĐQT Công ty	100%
12.	488/NQ-HĐQT	17/07/2020	Quyết định đăng ký niêm yết chứng khoán tại HOSE và chốt danh sách cổ đông để đăng ký chứng khoán	100%
13.	498/NQ-HĐQT	24/07/2020	Tinh gọn và cơ cấu lại bộ máy Ban Tổng Giám đốc Công ty	100%
14.	521/NQ-HĐQT	30/07/2020	Thông qua hồ sơ và tiến hành việc đăng ký niêm yết chứng khoán tại HOSE	100%
15.	571/NQ-HĐQT	19/08/2020	Thay đổi ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký chứng khoán tập trung và niêm yết chứng khoán	100%
16.	757/NQ-HĐQT	13/10/2020	Thông qua việc vay vốn Agribank 40 tỷ	100%

Nghị quyết của HĐQT năm 2020 (tiếp)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17.	771/QĐ-HĐQT	19/10/2020	Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty	100%
18.	773/QĐ-HĐQT	19/10/2020	Ban hành Quy chế đảm bảo an ninh trật tự tại các Bệnh viện của Công ty	100%
19.	884/NQ-HĐQT	26/11/2020	Thông qua tái cơ cấu lại các khoản vay để vay vốn tại BIDV 60 tỷ	100%
20.	963/NQ-HĐQT	21/12/2020	Hủy bỏ NQ số 884 để tái cơ cấu lại các khoản vay để vay vốn tại Agribank 60 tỷ	100%
21.	971/NQ-HĐQT	22/12/2020	Thông qua việc tăng quy mô giường bệnh	100%
22.	1015a/NQ-HĐQT	30/12/2020	Thông qua việc góp vốn thành lập Công ty	100%

6.2. BAN KIỂM SOÁT

Giới thiệu thành viên ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thúy Dương	Trưởng Ban	22/03/2019	24/06/2020	-	-
2	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Thành viên	22/03/2019	24/06/2020	-	-
3	Hứa Thị Hoa Linh	Thành viên	22/03/2019	24/06/2020	-	-
4	Vũ Văn Thành	Trưởng Ban		24/06/2020	2	100%
5	Lê Thị Hào	Thành viên		24/06/2020	2	100%
6	Hoàng Thắng	Thành viên		24/06/2020	2	100%

Tổng kết hoạt động của BKS năm 2020

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đưa ra các phương án và giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất phát sinh theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai công tác

giám sát cũng như phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia thảo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng giám đốc và Bộ máy quản lý

Ban Tổng giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, Ban

điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2020 Ban Tổng giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã tham dự 22 cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Tổng giám đốc để ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu nhập các thông tin theo yêu cầu.

6.3 KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO/HỌC TẬP VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong thời gian vừa qua, các thành viên HĐQT, BKS, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC đã tham gia đào tạo tập huấn và sử dụng hệ thống phần mềm quản trị Doanh nghiệp 10Office, phần mềm quản lý bệnh viện thông minh BVST, phần mềm quản lý bệnh viện HIS, Phần mềm hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh Pacs.

6.4. NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị tài chính – kế toán

Công ty đang sử dụng hệ thống phần mềm kế toán Vacom. Việc sử dụng các phần mềm này giúp cho hoạt động quản trị tài chính kế toán được thực hiện rất khoa học, minh bạch, giảm các sai số và rủi ro phát sinh trong hoạt động tài chính, kế toán của Công ty.

Quản trị nhân sự

Công ty đang sử dụng Phần mềm quản lý nhân sự ERP. Công ty đã thành lập Bộ phận pháp chế riêng biệt để thực hiện các nghiệp vụ pháp chế và quản trị nhân sự, có bộ phận bảo hiểm riêng biệt thuộc phòng Kế hoạch tổng hợp để lo chế độ cho người lao động.

Công ty cũng đã triển khai thực hiện việc họp báo cáo công việc thường nhật và giao ban hàng tuần. Nhờ đó Công ty vẫn thực hiện tốt công tác nhân sự

6.5. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

STT	Tên Công ty / mối quan hệ	Số Hợp đồng	Ngày ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH Xuân Thủy Công ty do ông Nguyễn Anh Đình là giám đốc, người đại diện theo pháp luật, và ông Nguyễn Văn Thủy - ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD là thành viên góp vốn (Ông Nguyễn Anh Đình là con trai của ông Nguyễn Văn Thủy)	89/2017/HĐXD	17/04/2017	Hạng mục san nền + kê đá	6.010.191.854
		412/2017/HĐXD	15/06/2017	Xây lắp công trình Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên, hạng mục Nhà khám chữa bệnh 8 tầng	139.848.760.000
		2705/HĐKT-MMYT	27/05/2019	Cung cấp và lắp đặt MMTEBYT-BV ĐK Yên Bình	37.335.417.350
		06/2017/HĐXD	21/03/2017	Thi công xây lắp công trình BVQTTN nhà 9 tầng nổi, 1 tầng hầm	270.108.000.000
		478/2019/HĐTC/BVQT-XT	18/07/2019	Hạng mục: Điều hòa, thông gió HAVC	15.350.000.000
		674/2019/HĐTC/BVQT-XT	23/09/2019	Hạng mục: Khí y tế	4.180.000.000
		675/2019/HĐTC/BVQT-XT	23/09/2019	Hạng mục: Thang máy	5.720.000.000
		676/2019/HĐTC/BVQT-XT	23/09/2019	Hạng mục: Điện nhẹ	3.630.000.000
		38/2020/HĐXD	02/06/2020	Hạng mục: Sân đường nổi bộ, thoát nước và hạ tầng kỹ thuật điện	8.855.000.000
		Tổng			

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo) tiếp:

STT	Tên Công ty / mối quan hệ	Số Hợp đồng	Ngày ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị giao dịch
2	Công ty Cổ phần Thăng Long HDI Công ty do Ông Hoàng Tuyên - Chủ tịch HĐQT Công ty là cổ đông sáng lập và người đại diện theo pháp luật	02/2017	02/01/2017	Hợp đồng cung cấp vật tư y tế và hóa chất	1.890.820.250
		01-18/TL-BVQTTN	02/01/2018	Hợp đồng cung cấp vật tư y tế và hóa chất	3.665.450.556
		06.2019	06/01/2019	Hợp đồng cung cấp vật tư y tế và hóa chất	884.157.238
		25.2019	02/04/2019	Hợp đồng cung cấp vật tư y tế	73.439.976
		036TB/BVQTTN/13	15/04/2016	Máy gây mê kèm thở	1.000.000.000
		13TL-BVQTTN	05/01/2014	Máy thở cho người lớn và trẻ em	1.720.000.000
		28/2016/HĐMB	15/04/2016	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	1.533.000.000
		30/HĐ-CT/2016	05/04/2016	Hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt, 64 dãy cảm biến	11.600.000.000
		DP-CT THAI NGUYEN/02	05/04/2016	Hệ thống máy siêu âm voluson P8	1.050.000.000
		16/HĐ/BVQTTN-TL	20/04/2016	Hệ thống X-Quang kỹ thuật số	1.226.120.000
309/BVQTTN-TL	15/04/2016	Hệ thống thiết bị - dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	1.550.000.000		
Tổng					26.192.988.020

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành

STT	Tên Công ty/ Mối quan hệ	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị giao dịch
1	Hợp tác xã Thủy tinh dân chủ (HTX có Giá đốc, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh Quang-con trai ông Nguyễn Văn Thủy-Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty)	03/2020/HDXD	09/10/2020	Hạng mục Nhà ăn Bệnh viện Quốc tế	11.236.500.000

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không



6.6. GIAO DỊCH VÀ THỦ LAO

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và HĐQT	VND	1.513.684.358	3.239.986.587
Cộng	VND	1.513.684.358	3.239.986.587

6.7. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Vũ Văn Thành	Trưởng Ban kiểm soát	2.299.244	5,54%	399.244	0,96%	Bán
2	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Vợ ông Vũ Hồng Minh – Thành viên HĐQT	3.764.000	9,07%	1.546.000	3,73%	Bán
3	Hoàng Tuyên	Chủ tịch HĐQT	7.972.580	19,21%	4.000.000	9,64%	Bán
4	Hoàng Thao	Anh trai ông Hoàng Tuyên – Chủ tịch HĐQT Chồng bà Cao Thị Hồng – Người được ủy quyền CBTT	2.356.000	5,68%	1.000.000	2,41%	Bán

6.8. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Công ty công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.
- Tham gia các hội nghị hội thảo do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức để cập nhật các quy định, nghị định mới.

07.

Phát triển bền vững

- 7.1. Mục tiêu chung
- 7.2. Mục tiêu sản phẩm dịch vụ
- 7.3. Chính sách người lao động
- 7.4. Phát triển cộng đồng



7.1. MỤC TIÊU CHUNG

Là một trong những Bệnh viện uy tín hàng đầu trong lĩnh vực Y tế, khám chữa bệnh, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nhận thức rõ các trách nhiệm của mình trong việc cung cấp dịch vụ đi đôi với bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cam kết tạo nên dịch vụ chuyên nghiệp nhất, đảm bảo yếu tố phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường.

Công ty đã đề ra các mục tiêu như sau:

- Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường trong việc xử lý các chất thải y tế trong công tác hàng ngày của bệnh viện.
- Thực hiện công tác giảm thiểu tối đa rác thải nhựa trong hoạt động của bệnh viện.
- Cùng các chuyên gia nghiên cứu, nâng cao hiệu quả của các trang thiết bị y tế, giảm thiểu tối đa sức lao động của y bác sĩ, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ người bệnh.
- Hỗ trợ người bệnh trong công tác khám sức khỏe có sử dụng bảo hiểm y tế.
- Xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, đảm bảo tận dụng tối đa nguồn ánh sáng và gió tự nhiên nhằm giảm thiểu tiêu hao năng lượng chiếu sáng, điều hòa, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên cũng như bệnh nhân và người nhà.

7.2. MỤC TIÊU SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Mục tiêu hiện tại của Doanh nghiệp là tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, mở rộng mô hình bệnh viện tư nhân sang các tỉnh Hà Nội và Bắc Giang và các tỉnh Đông Bắc Bộ.

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, Doanh nghiệp luôn tìm cách đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm quản trị quan hệ khách hàng và chất lượng dịch vụ, nhằm đảm bảo sự hài lòng của bệnh nhân.

Công ty đã thành lập Phòng Công tác xã hội - Truyền thông - Marketing chuyên trách để chủ động kiểm soát và tăng cường chất lượng dịch vụ cung cấp, cũng như chăm sóc khách hàng sau khi đã ra viện, nhằm giảm thiểu các phàn nàn của khách hàng về các vấn đề phát sinh khi cung cấp dịch vụ.

Chất lượng dịch vụ cung cấp được thực hiện theo đúng quy định của Bộ y tế đối với Bệnh viện hạng III. Sắp tới, Công ty dự kiến sẽ phấn đấu thực hiện nâng cấp thăng hạng lên thành bệnh viện hạng II để cung cấp nhiều các dịch vụ kỹ thuật cao và chất lượng dịch vụ tốt hơn.

7.3. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đào tạo

Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

- Nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng bệnh viện.

- Trang bị kiến thức các kỹ năng về nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý hành chính, quản lý bệnh viện và bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:

- Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn viên chức quản lý và kế hoạch đào tạo được xây dựng hàng năm theo nhu cầu cụ thể.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.

- Khuyến khích tinh thần học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công tác, nhiệm vụ.

- Đảm bảo thực hiện đúng các chế độ đào tạo theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của bệnh viện.

Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty đã và đang tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cao, có nhiều ý tưởng trong nghiên cứu mang lại lợi ích cho Công ty.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.

7.4. Phát triển cộng đồng

Hoạt động tại địa phương

Hướng tới kỷ niệm 73 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ [27/7/1947-27/7/2020], trong 2 ngày 25 và 26/7/2020, Bệnh viện Đa khoa Yên Bình thuộc Công ty CP Bệnh viện Quốc Tế Thái Nguyên đã tổ chức chương trình khám, tư vấn sức khỏe và tặng quà cho gần 400 đối tượng chính sách trên địa bàn 2 xã Nam Tiến và Tiên Phong, thị xã Phố Yên.



Các chương trình từ thiện

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên: Tổ chức chương trình thiện nguyện Vì trẻ em nghèo miền núi

Nét đặc biệt của chương trình thiện nguyện "Vì trẻ em nghèo miền núi" tại điểm trường tiểu học Mỏ Ba là sự kết hợp giữa Y tế và Giáo dục. Các y, bác sĩ Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã khám, tư vấn chăm sóc sức khỏe và cấp thuốc miễn phí cho học sinh, giáo viên điểm trường Tiểu học Mỏ Ba, xã Tân Long, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và nhân dân (nhỏ nghèo) của địa phương. Các em học sinh và phụ huynh đều rất vui khi được các bác sĩ thăm khám, tư vấn tận tình.



Công ty cổ phần bệnh viện quốc tế thái nguyên phát động ủng hộ đồng bào miền trung
Theo báo cáo nhanh của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, mưa lũ từ ngày 6-19/10/2020. Lũ chồng lũ, gây mưa lớn kéo dài từ Quảng Bình đến Nghệ An đã đẩy bao gia đình và cánh tang thương. Tại các tỉnh miền Trung đã có hàng chục người chết và mất tích, hàng chục nghìn ngôi nhà bị ngập, hư hỏng, sập đổ. Không những vậy, người dân nơi đây còn thiệt hại hàng nghìn ha lúa, hoa màu, gia súc, gia cầm, ước tính thiệt hại lên đến hơn 20 tỷ đồng.

Cùng với nhân dân cả nước đang tích cực sẻ chia khó khăn, giúp đỡ nhân dân Miền Trung, Thầy thuốc Nhân dân - Bác sỹ Cao cấp Lê Xuân Tân- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã nhanh chóng phát động chương trình quyên góp ủng hộ đồng bào miền Trung tới toàn thể cán bộ, y, bác sỹ tại hai bệnh viện trực thuộc công ty: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên. Với thông điệp: "Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên: Hướng về Miền Trung yêu thương" nhằm giúp đỡ đồng bào miền Trung trong giai đoạn "nước sôi lửa bỏng" này.



Ứng hộ trên báo chí:

Năm 2020, Công ty đã được các cơ quan báo chí như trang Medplus, Hiệp hội bệnh viện tư nhân Việt Nam, báo Thanh tra Việt Nam đưa tin đáng bài



08.

**Báo cáo tài
chính hợp nhất**



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016 vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 4.150.000 cổ phần), hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch	(i)
- Ông Lê Xuân Tân	Phó chủ tịch	(ii)
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên	(iii)
- Ông Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên	(iii)
- Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên	(iii)
- Ông Lương Đình Hiền	Thành viên	(iv) Đến ngày 24/06/2020
- Ông Nguyễn Vũ Phương	Thành viên	(iv) Đến ngày 24/06/2020
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	(iv) Đến ngày 24/06/2020
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	Thành viên	(iv) Đến ngày 24/06/2020

(i) Ông Hoàng Tuyên được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo Biên bản họp số 464/BBH-HĐQT ngày 09/07/2020 và Nghị quyết số 465/NQ-HĐQT ngày 09/07/2020.

(ii) Ông Lê Xuân Tân được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo Biên bản họp số 483/BBH-HĐQT ngày 09/07/2020 và Nghị quyết số 184/NQ-HĐQT ngày 16/07/2020.

(iii) Được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 24/06/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Lê Xuân Tân	Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng giám đốc	
- Ông Lương Đình Hiền	Phó Tổng giám đốc	(i) Đến ngày 18/02/2020
- Ông Nông Minh Chức	Phó Tổng giám đốc	(ii) Đến ngày 24/07/2020
- Ông Lý Quốc Toàn	Phó Tổng giám đốc	(ii) Đến ngày 24/07/2020
- Ông Lê Xuân Thủy	Phó Tổng giám đốc	(ii) Đến ngày 24/07/2020
- Ông Trương Đồng Tâm	Phó Tổng giám đốc	(ii) Đến ngày 24/07/2020

(i) Theo Quyết định số 136/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng Quản trị.

(ii) Theo Nghị quyết số 498/NQ-HĐQT ngày 24/7/2020 của Hội đồng Quản trị về việc tinh gọn và cơ cấu lại Ban Tổng giám đốc Công ty.

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Ban Kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Vũ Văn Thành	Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Lê Thị Hảo	Thành viên
- Ông Hoàng Thắng	Thành viên

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, số 417/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020.

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Hoàng Tuyên - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


HOANG TUYẾN

Số: 23/2021/BCKT- PKF.NHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Xuân Hoà
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0909-2018-242-1

Trần Hồng Giang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3893-2017-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 ngày 12 tháng 2020Mẫu số B 01 – DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		179.662.516.015	340.934.711.955
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.433.997.599	966.319.232
Tiền	111		23.433.997.599	966.319.232
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.313.822.432	335.330.388.230
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.497.220.293	174.118.025
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	113.659.095.273	335.021.136.734
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.157.506.866	135.133.471
Hàng tồn kho	140	5.6	11.295.172.780	4.638.004.493
Hàng tồn kho	141		11.295.172.780	4.638.004.493
Tài sản ngắn hạn khác	150		619.523.204	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	619.523.204	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		977.432.929.206	539.018.492.675
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	4.150.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	4.150.000.000
Tài sản cố định	220		888.463.865.680	415.555.378.486
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	875.834.370.597	401.731.966.743
- Nguyên giá	222		913.092.760.902	418.353.627.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.258.390.305)	(16.621.660.591)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	12.629.495.083	13.823.411.743
- Nguyên giá	228		14.340.000.000	14.340.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.710.504.917)	(516.588.257)
Bất động sản đầu tư	230	5.10	12.122.598.786	-
- Nguyên giá	231		12.406.812.824	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(284.214.038)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.850.000.000	104.220.014.558
Chi phí XD/CB dở dang	242	5.7	3.850.000.000	104.220.014.558
Đầu tư tài chính dài hạn	250		38.500.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	38.500.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		34.496.464.740	15.093.099.631
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	34.496.464.740	15.093.099.631
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.157.095.445.221	879.953.204.630

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		519.593.233.914	351.420.168.224
Nợ ngắn hạn	310		136.502.988.582	98.412.770.594
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	26.635.074.144	20.741.882.325
Người mua trả tiền trước	312	5.17	932.720.171	6.702.406.201
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	563.517.934	4.349.216.905
Phải trả người lao động	314		6.500.225.638	4.465.885.774
Chi phí phải trả	315	5.16	3.739.452.839	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	91.002.927	46.787.026
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	98.040.994.929	62.106.592.363
Nợ dài hạn	330		383.090.245.332	253.007.397.630
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	7.758.181.819	2.380.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	375.332.063.513	250.627.397.630
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		637.502.211.307	528.533.036.406
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	637.502.211.307	528.533.036.406
Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		222.502.211.307	113.533.036.406
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		113.533.036.406	24.701.163.169
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		108.969.174.901	88.831.873.237
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.157.095.445.221	879.953.204.630

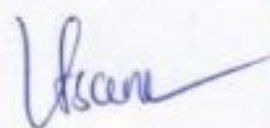
Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THU THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ THÚY AN

CHỦ TỊCH HĐQT



HOÀNG TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

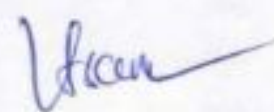
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	335.604.966.911	275.448.933.320
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		335.604.966.911	275.448.933.320
Giá vốn hàng bán	11	6.2	179.917.170.816	167.022.154.356
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155.687.796.095	108.426.778.964
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.948.015	4.740.652
Chi phí tài chính	22	6.4	28.382.574.462	8.392.045.670
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.198.934.462	8.392.045.670
Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	15.198.967.720	6.462.577.738
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		112.114.201.928	93.576.896.208
Thu nhập khác	31	6.6	10.051.235	13.600.000
Chi phí khác	32	6.7	145.134.170	240.754.346
Lợi nhuận khác	40		(135.082.935)	(227.154.346)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111.979.118.993	93.349.741.862
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.009.944.092	4.517.868.625
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		108.969.174.901	88.831.873.237
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.10	2.626	2.141
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.10	2.626	2.141

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT


NGUYỄN THU THÙY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	111.979.118.993	93.349.741.862
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	22.114.860.410	5.637.184.671
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.948.015)	(4.740.652)
Chi phí lãi vay	06	28.382.574.462	8.392.045.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	162.468.605.850	107.374.231.551
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	191.016.565.798	(136.687.347.856)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(6.657.168.287)	(1.441.273.089)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(1.159.402.520)	46.547.311.098
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(20.022.888.313)	(12.508.731.684)
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.419.072.113)	(8.392.045.670)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.717.868.620)	(4.987.419.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	292.508.771.795	(10.095.275.520)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(396.338.109.892)	(262.946.462.739)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.150.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.150.000.000	15.000.000.000
Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác	25	(38.500.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.948.015	4.740.652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(430.680.161.877)	(252.091.722.087)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	303.009.926.632	383.488.184.686
Tiền trả nợ gốc vay	34	(142.370.858.183)	(121.332.088.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	160.639.068.449	262.156.096.644
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	22.467.678.367	(30.900.963)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	966.319.232	997.220.195
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.433.997.599	966.319.232

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYÊN

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

11

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 4.150.000 cổ phần), hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017.

Hiện nay, Công ty quản lý và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh tại 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: khám, chữa bệnh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đơn vị trực thuộc:

Công ty có 02 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là

- Chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có địa chỉ tại số nhà 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 001
- Chi nhánh Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình có địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 002.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 719 người (tại ngày 31/12/2019 là 532 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 06 - 48 năm
- Máy móc thiết bị: 06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 10 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 10 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 08 - 20 năm

4.5.3 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 46 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bất

đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, dụng cụ y tế, vật tư y tế,... Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu

hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

4.13. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dịch vụ y tế do Công ty cung cấp không chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác ngoài dịch vụ y tế chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ, số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đang được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình (địa chỉ, xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài

hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020, thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên đang được miễn thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành: Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập, chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.14. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.15. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số

149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

		31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	861.206.119	171.675.988
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	22.572.791.480	794.643.244
Cộng		23.433.997.599	966.319.232

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2020 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		861.206.119
Cộng		861.206.119

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2020 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		22.572.791.480
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		19.772.895.920
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thái Nguyên		47.083.458
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thái Nguyên		248.690.187
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		2.257.588.044
Các ngân hàng khác		246.533.871
Ngoại tệ		-
Cộng		22.572.791.480

5.2 Đầu tư tài chính

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	-	-
b) Dài hạn	38.500.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết				
(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH	19.500.000.000	-	-	-
(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH	19.000.000.000	-	-	-
Cộng	38.500.000.000	-	-	-

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569359, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 90.000.000.000 đồng (tương ứng với 9.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 48% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2020, Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình góp vốn.

(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569341, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 70.000.000.000 đồng (tương ứng với 7.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 45% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2020, Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình góp vốn.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	26.497.220.293	174.118.025
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Thái Nguyên	25.944.667.684	-
Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân Thọ	37.150.000	68.473.000
Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	25.600.000
Công ty TNHH WIHA Việt Nam	399.186.600	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	116.216.009	80.045.025
b) Dài hạn	-	-
Cộng	26.497.220.293	174.118.025

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	113.659.095.273	-	335.021.136.734	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển ATC Việt Nam	12.856.646.723	-	209.499.618.051	-
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	-	-	3.697.563.614	-
Công ty TNHH Xuân Thủy	40.593.696.803	-	109.019.957.569	-
Các khách hàng khác	60.208.751.747	-	12.803.997.500	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	113.659.095.273	-	335.021.136.734	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569359, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 90.000.000.000 đồng (tương ứng với 9.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 48% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2020, Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình góp vốn.

(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569341, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 70.000.000.000 đồng (tương ứng với 7.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 45% vốn điều lệ. Đến ngày kết thúc năm tài chính 2020, Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH vẫn đang trong quá trình góp vốn.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	26.497.220.293	174.118.025
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Thái Nguyên	25.944.667.684	-
Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân Thọ	37.150.000	68.473.000
Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	25.600.000
Công ty TNHH WIHA Việt Nam	399.186.600	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	116.216.009	80.045.025
b) Dài hạn	-	-
Cộng	26.497.220.293	174.118.025

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	113.659.095.273	-	335.021.136.734	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển ATC Việt Nam	12.856.646.723	-	209.499.618.051	-
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	-	-	3.697.563.614	-
Công ty TNHH Xuân Thủy	40.593.696.803	-	109.019.957.569	-
Các khách hàng khác	60.208.751.747	-	12.803.997.500	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	113.659.095.273	-	335.021.136.734	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Trả trước cho người bán là các bên liên quan:

Bên liên quan	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	-	3.697.563.614
Công ty TNHH Xuân Thủy	40.593.696.803	109.019.957.569
Cộng	40.593.696.803	112.717.521.183

5.5 Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.157.506.866	-	135.133.471	-
Tạm ứng (*)	4.010.000.000	-	1.500.000	-
Phải thu khác	147.506.866	-	133.633.471	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.157.506.866	-	135.133.471	-

(*) Tạm ứng cho Ban quản lý dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình – giai đoạn 2.

*(Ban quản lý dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình – giai đoạn 2 được thành lập theo Quyết định số 2503/QĐ-HĐQT ngày 26/03/2020).***5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế	11.295.172.780	-	4.638.004.493	-
Cộng	11.295.172.780	-	4.638.004.493	-

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Mua sắm:	-	-
Xây dựng cơ bản:	3.850.000.000	104.220.014.558
<i>Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Đa khoa Yên Bình</i>	-	-
<i>Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Quốc tế giai đoạn 2 (*)</i>	3.850.000.000	104.220.014.558
Cộng	3.850.000.000	104.220.014.558

(*) Dự án xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 2, tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 2 đã được đưa vào sử dụng từ ngày 01/8/2020 theo Quyết định số 3107/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2020 của Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09 – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, trang thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	300.878.731.095	108.681.474.955	8.726.706.684	66.714.600	418.353.627.334
- Mua trong năm	1.264.000.000	11.842.699.500	766.000.000	110.000.000	13.982.699.500
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	493.163.246.892	-	-	-	493.163.246.892
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(12.406.812.824)	-	-	-	(12.406.812.824)
Số dư tại ngày 31/12/2020	782.899.165.163	120.524.174.455	9.492.706.684	176.714.600	913.092.760.902
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	4.695.987.806	11.067.300.717	822.657.633	35.714.435	16.621.660.591
- Khấu hao trong năm	12.055.676.933	8.036.340.742	818.817.117	10.108.960	20.920.943.752
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(284.214.038)	-	-	-	(284.214.038)
Số dư tại ngày 31/12/2020	16.467.450.701	19.103.641.459	1.641.474.750	45.823.395	37.258.390.305
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	296.182.743.289	97.614.174.238	7.904.049.051	31.000.165	401.731.966.743
Tại ngày 31/12/2020	766.431.714.462	101.420.532.996	7.851.231.934	130.891.205	875.834.370.597
Nguyên giá tài sản thế chấp các khoản vay:					372.981.098.816
Giá trị còn lại tài sản thế chấp các khoản vay:					351.357.054.314

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2020	14.340.000.000	14.340.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	14.340.000.000	14.340.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2020	516.588.257	516.588.257
- Khấu hao trong năm	1.193.916.660	1.193.916.660
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.710.504.917	1.710.504.917
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	13.823.411.743	13.823.411.743
Tại ngày 31/12/2020	12.629.495.083	12.629.495.083

5.10 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2020	-	-
- Chuyển từ TSCĐ hữu hình	12.406.812.824	12.406.812.824
Số dư tại ngày 31/12/2020	12.406.812.824	12.406.812.824
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2020	-	-
- Chuyển từ TSCĐ hữu hình	284.214.038	284.214.038
Số dư tại ngày 31/12/2020	284.214.038	284.214.038
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Tại ngày 31/12/2020	12.122.598.786	12.122.598.786

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	619.523.204	-
Công cụ, dụng cụ	619.523.204	-
b) Dài hạn	34.496.464.740	15.093.099.631
Công cụ, dụng cụ	34.480.328.531	14.917.623.168
Chi phí bảo hiểm, và chi phí phân bổ khác	16.136.209	175.476.463
Cộng	35.115.987.944	15.093.099.631

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09- DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020		31/12/2020			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Góc vay ngắn hạn	30.049.512.713	30.049.512.713	128.020.536.469	115.001.333.333	43.068.715.849	43.068.715.849
(i) NH Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Thái Nguyên	20.056.821.590	20.056.821.590	72.142.430.904	62.603.045.782	29.596.206.712	29.596.206.712
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Thái Nguyên	98.150.944	98.150.944	1.449.802.019	1.547.952.963	-	-
(ii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	9.894.540.179	9.894.540.179	16.655.723.625	18.933.328.366	7.616.935.438	7.616.935.438
(iii) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	-	15.272.579.921	9.417.006.222	5.855.573.699	5.855.573.699
(*) Vay cá nhân	-	-	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
b) Góc vay dài hạn	282.684.477.280	282.684.477.280	83.887.590.163	27.369.524.850	339.202.542.593	339.202.542.593
(iv) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	113.523.080.740	113.523.080.740	83.887.590.163	-	197.410.670.903	197.410.670.903
(v) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	28.071.935.664	28.071.935.664	-	5.616.000.000	22.455.935.664	22.455.935.664
(vi) Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	11.089.460.876	11.089.460.876	-	4.188.460.876	6.901.000.000	6.901.000.000
(vii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	130.000.000.000	130.000.000.000	-	17.565.063.974	112.434.936.026	112.434.936.026
Cộng	312.733.989.993	312.733.989.993	211.908.126.632	142.370.858.183	382.271.258.442	382.271.258.442

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN
Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09- DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c) Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2020 (VND)		31/12/2020 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	10.813.460.876	10.813.460.876	6.901.000.000	6.901.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	15.627.618.774	15.627.618.774	26.455.279.080	26.455.279.080
Cộng	32.057.079.650	32.057.079.650	54.972.279.080	54.972.279.080

d) Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính

d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	62.106.592.363	62.106.592.363	98.040.994.929	98.040.994.929
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	250.627.397.630	250.627.397.630	284.230.263.513	284.230.263.513
Cộng	312.733.989.993	312.733.989.993	382.271.258.442	382.271.258.442

(*) Chi tiết vay cá nhân:

	01/01/2020 (VND)	Phát sinh tăng (VND)	Phát sinh giảm (VND)	31/12/2020 (VND)
- Bà Lâm Ngọc Ánh	-	14.000.000.000	14.000.000.000	-
- Ông Bùi Trường Giang	-	8.500.000.000	8.500.000.000	-
Cộng	-	22.500.000.000	22.500.000.000	-

Trong đó:

- + Vay Bà Lâm Ngọc Ánh theo hợp đồng vay số 140/2020/HĐV-BVQTTN ngày 05/01/2020, với lãi suất đi vay là 6%/năm kể từ ngày nhận tiền vay (Miễn lãi trong vòng 01 năm); Công ty đã trả hết gốc của khoản vay này trong kỳ tài chính.
- + Vay Ông Bùi Trường Giang theo hợp đồng vay số 141/2020/HĐV-BVQTTN ngày 07/01/2020, lãi suất đi vay là 6%/năm kể từ ngày nhận tiền vay (Miễn lãi trong vòng 01 năm); Công ty đã trả hết gốc của khoản vay này trong kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09- DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- (i) Hợp đồng tín dụng số 8500LAV202001022 ngày 15/10/2020 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 29.800.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ khám chữa bệnh. Thời hạn hiệu lực mức cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn.
- (ii) Vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức số: VN 119000655-004 ngày 20/3/2020 với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/3/2021, thời hạn khế ước nhận nợ: 06 tháng. Lãi suất cho vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng (dành cho doanh nghiệp) của các Ngân hàng quốc doanh cộng 2,7625% một năm.
- (iii) Hợp đồng cấp tín dụng số 24682.20.093.1699479.TD ngày 15/06/2020 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 1: 5.000.000.000 VND, hạn mức tín dụng 2: là 10.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: giải ngân thanh toán tiền lương của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 21/05/2021, thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa 04 tháng/ khế ước kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất trong hạn được quy định theo giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ: Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của Công ty theo: hợp đồng kinh tế số 18/HĐKT - NMYT ngày 20/02/2019 giữa Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Công ty CP Đầu tư và Phát triển ATC Việt Nam; hợp đồng kinh tế số 19022019/HĐKT/TN-HT ngày 19/02/2019 giữa Công ty CP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Hộ kinh doanh Hà Trang.
- (iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/5745705/HĐTD ngày 26/8/2019. Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 8,2%/năm, 12 tháng tiếp theo là 8,3%/năm; lãi suất vay thời gian còn lại được thả nổi theo công thức quy định trong hợp đồng vay. Tài sản bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và các tài sản khác của Công ty phục vụ vận hành dự án.
- (v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay số: 5956.19.093.1699479.TD ngày 05/3/2019. Hạn mức 35.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Thời hạn vay tối đa 72 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số: 6113.19.093.1699479.BĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09- DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(vi) Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201300658 ngày 06/11/2013: Hạn mức tín dụng 20.000.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng mua máy móc thiết bị. Hạn trả nợ cuối cùng vào 06/11/2020. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201400342 ngày 23/06/2014. Hạn mức tín dụng 27.000.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí mua máy móc thiết bị y tế, xây dựng lắp đặt các công trình. Hạn trả nợ cuối cùng vào 09/11/2020. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 4,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp. Các giấy nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số 8500-LAV-201300688 ngày 19/11/2013 được chuyển sang theo dõi tại hợp đồng này.

Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201700745 ngày 14/08/2017. Hạn mức tín dụng 700.000.000 VND. Mục đích vay để đầu tư mua Hệ thống máy siêu âm 4 chiều. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(vii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số: VN119000653 ngày 20/3/2019. Hạn mức cho vay 130.000.000.000 VND. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định Dự án Bệnh viện Đa khoa Yên Bình – Thái Nguyên. Kỳ hạn vay: 72 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng (+) 3,5% một năm. Biện pháp bảo đảm:

- Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trên Thửa đất số 563 tại Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 026290 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp.
- Máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Máy móc, thiết bị, tài sản đã hình thành thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
- Các Quyền tài sản phát sinh từ Dự án nhằm mục đích triển khai, thực hiện và vận hành Dự án.
- Các tài sản khác được hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay, bao gồm các tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay; các tài sản, quyền tài sản thay thế, bổ sung, luân chuyển, tài sản hình thành từ vốn vay và nguồn thu hình thành từ phương án vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09-- DN

Trái phiếu phát hành

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Lãi suất năm Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất năm Kỳ hạn
- Mệnh giá	91.101.800.000	12% 24 tháng	-	-
- Chiết khấu	-	-	-	-
- Phụ trội	-	-	-	-
Cộng	91.101.800.000		-	-

Năm 2020, Công ty thực hiện phát hành Trái phiếu riêng lẻ, việc phát hành này được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua tại Nghị Quyết số 564/2020/NQ-HĐQT ngày 17/08/2020.

Thông tin trái phiếu:

Trái phiếu phát hành bằng Đồng Việt Nam có tổng mệnh giá phát hành tối đa 150 (một trăm năm mươi) tỷ đồng, đáo hạn năm 2022 ("Trái phiếu") xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bởi Tổ chức phát hành và không phải là nợ thứ cấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Tổ chức phát hành). Trái phiếu không chuyển đổi được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Lãi Trái phiếu: Lãi suất danh nghĩa: 12%/năm; Trái phiếu được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày phát hành cho đến nhưng không bao gồm ngày tròn 24 tháng kể từ Ngày phát hành ("Ngày đáo hạn"), trừ trường hợp Trái phiếu được mua lại trước hạn. Tiền lãi Trái phiếu được trả sau 03 (ba) tháng một lần, vào các ngày tròn 03 (ba) tháng kể từ ngày phát hành.

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	26.635.074.144	26.635.074.144	20.741.882.325	20.741.882.325
Công ty Cổ phần Dược Phẩm và Thiết bị y tế Á Châu	2.574.312.122	2.574.312.122	980.270.309	980.270.309
Hợp tác xã Thủy Tinh Dân Chủ	3.850.000.000	3.850.000.000	-	-
Công ty TNHH Công nghệ điện tử-phần mềm và viễn thông LIFETEK	-	-	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD Sông Đà Việt Đức	437.286.462	437.286.462	2.437.286.462	2.437.286.462
Hộ kinh doanh TBYT Việt Hà - Phan Thị Chung	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
Hộ kinh doanh Phạm Thị Hiền	933.864.800	933.864.800	-	-
Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	2.635.250.000	2.635.250.000	258.000.000	258.000.000
Công ty CP TM và dịch vụ thiết bị y tế HTM	810.000.000	810.000.000	125.400.000	125.400.000
Công ty CP trang TBYT Đại Dương	570.000.000	570.000.000		
Các khách hàng khác	11.674.360.760	11.674.360.760	8.540.925.554	8.540.925.554
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	26.635.074.144	26.635.074.144	20.741.882.325	20.741.882.325

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
	a) Ngắn hạn	-
b) Dài hạn	7.758.181.819	2.380.000.000
Cho thuê mặt bằng	7.758.181.819	2.380.000.000
Cộng	7.758.181.819	2.380.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020 (VND)
a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.349.216.905	5.239.861.508	9.025.560.479	563.517.934
Thuế giá trị gia tăng	243.918.993	1.174.697.494	1.406.966.034	11.650.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.014.085.485	3.009.944.092	6.717.868.620	306.160.957
Thuế thu nhập cá nhân	91.212.427	639.729.222	485.235.125	245.706.524
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	410.490.700	410.490.700	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế (kể từ khi đi vào hoạt động đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2020 này, Công ty chưa được Cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế). Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	3.739.452.839	-
Chi phí lãi vay	3.739.452.839	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.739.452.839	-

5.17 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	932.720.171	932.720.171	6.702.406.201	6.702.406.201
Bảo hiểm xã hội	-	-	6.699.244.508	6.699.244.508
Tỉnh Thái Nguyên	-	-	-	-
Khách hàng khác	932.720.171	932.720.171	3.161.693	3.161.693
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	932.720.171	932.720.171	6.702.406.201	6.702.406.201

5.18 Phải trả khác

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	91.002.927	46.787.026
Kinh phí công đoàn	91.002.927	46.787.026
b) Dài hạn	-	-
Cộng	91.002.927	46.787.026

5.19 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2019	350.000.000.000	89.701.163.169	439.701.163.169
Tăng vốn trong năm trước	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	88.831.873.237	88.831.873.237
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2020	415.000.000.000	113.533.036.406	528.533.036.406
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	108.969.174.901	108.969.174.901
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	415.000.000.000	222.502.211.307	637.502.211.307

Chi tiết số dư vốn góp của các cổ đông

	31/12/2020 (Tỷ lệ)	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Ông Hoàng Tuyên	9,64%	40.000.000.000	79.725.800.000
Ông Nguyễn Văn Thủy	5,65%	23.464.000.000	23.464.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hiệp	4,34%	18.000.000.000	18.000.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đôn	3,97%	16.473.000.000	16.473.000.000
Ông Lê Xuân Tân	3,83%	15.882.000.000	15.882.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	3,73%	15.460.000.000	37.460.000.000
Ông Lâm Tuấn Kiệt	3,27%	13.567.000.000	2.600.000.000
Bà Vũ Thị Hân	3,31%	13.725.800.000	-
Ông Hoàng Khắc Tiệp	3,25%	13.500.000.000	-
Bà Phạm Thị Hiền	3,13%	13.000.000.000	-
Bà Phùng Thị Thông	3,00%	12.450.000.000	12.450.000.000
Các Cổ đông khác	52,88%	219.478.200.000	208.945.200.000
Cộng	100%	415.000.000.000	415.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng CP đăng ký phát hành	41.500.000	45.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	41.500.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	45.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.500.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	45.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	334.899.902.569	275.448.933.320
Doanh thu khác	705.064.342	-
Cộng	335.604.966.911	275.448.933.320

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	179.917.170.816	167.022.154.356
Cộng	179.917.170.816	167.022.154.356

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền gửi	7.948.015	4.740.652
Cộng	7.948.015	4.740.652

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền vay	28.198.934.462	8.392.045.670
Chi phí phát hành trái phiếu	183.640.000	-
Cộng	28.382.574.462	8.392.045.670

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	15.198.967.720	6.462.577.738
Chi phí nhân viên	10.982.339.858	4.461.263.005
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	542.781.387	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế phí và lệ phí	415.490.700	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.181.859.701	962.773.704
Chi phí khác bằng tiền	1.076.496.074	1.034.541.029
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	15.198.967.720	6.462.577.738

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thu nhập khác	10.051.235	-
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	13.600.000
Cộng	10.051.235	13.600.000

6.7 Chi phí khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Các khoản nộp phạt	145.134.170	240.754.346
Cộng	145.134.170	240.754.346

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.979.118.993	93.349.741.862
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm	145.134.170	248.531.836
- Chi phí không được trừ	145.134.170	248.531.836
Tổng thu nhập chịu thuế	112.124.253.163	93.598.273.698
Thu nhập miễn thuế	54.040.564.349	3.240.901.198
Thu nhập tính thuế	58.083.688.814	90.357.372.500
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10% (dịch vụ y tế)	57.378.624.472	90.357.372.500
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20% (dịch vụ khác)	705.064.342	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.009.944.092	4.517.868.625
Trong đó:		
- Dịch vụ y tế (sau khi giảm 50%)	2.868.931.224	4.517.868.625
- Dịch vụ khác	141.012.868	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.009.944.092	4.517.868.625

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
a) Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.596.272.207	27.199.286.525
Chi phí nhân công	94.821.877.486	33.561.282.311
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.114.860.410	5.637.184.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.309.522.775	104.069.788.827
Chi phí khác bằng tiền	2.273.605.657	3.017.189.760
b) Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	195.116.138.535	173.484.732.094

6.10 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	108.969.174.901	88.831.873.237
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	108.969.174.901	88.831.873.237
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.500.000	41.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.626	2.141

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Báo cáo bộ phận**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ là dịch vụ khám, chữa bệnh, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại tỉnh Thái Nguyên nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.2 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Hội đồng quản trị thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị

trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty đầu tư cổ phiếu vào một số các Bệnh viện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
Ngày 31/12/2020			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.433.997.599	-	23.433.997.599
Phải thu khách hàng	26.497.220.293	-	26.497.220.293
Đầu tư	-	38.500.000.000	38.500.000.000
Phải thu khác	117.816.602.139	-	117.816.602.139
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	167.747.820.031	38.500.000.000	206.247.820.031
Ngày 31/12/2019			
Các khoản vay và nợ	98.040.994.929	375.332.063.513	473.373.058.442
Phải trả người bán	26.635.074.144	-	26.635.074.144
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.826.919.509	7.758.181.819	19.585.101.328
Tổng cộng	136.502.988.582	383.090.245.332	519.593.233.914
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.244.831.449	(344.590.245.332)	(313.345.413.883)
Ngày 01/01/2020			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	966.319.232	-	966.319.232
Phải thu khách hàng	174.118.025	-	174.118.025
Đầu tư	-	4.150.000.000	4.150.000.000
Phải thu khác	335.156.270.205	-	335.156.270.205
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	336.296.707.462	4.150.000.000	340.446.707.462
Ngày 01/01/2020			
Các khoản vay và nợ	62.106.592.363	250.627.397.630	312.733.989.993
Phải trả người bán	20.741.882.325	-	20.741.882.325
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	15.564.295.906	2.380.000.000	17.944.295.906
Tổng cộng	98.412.770.594	253.007.397.630	351.420.168.224
Chênh lệch thanh khoản thuần	237.883.936.868	(248.857.397.630)	(10.973.460.762)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN

Giá trị hợp lý: Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ (VND)		Giá trị hợp lý (VND)	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	144.313.822.432	335.330.388.230	144.313.822.432	335.330.388.230
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	144.313.822.432	335.330.388.230	144.313.822.432	335.330.388.230
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.433.997.599	966.319.232	23.433.997.599	966.319.232
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	23.433.997.599	966.319.232	23.433.997.599	966.319.232
<i>Tài sản khác</i>	-	-	-	-
Tổng cộng	167.747.820.031	336.296.707.462	167.747.820.031	336.296.707.462
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	473.373.058.442	312.733.989.993	473.373.058.442	312.733.989.993
Phải trả người bán	26.635.074.144	20.741.882.325	26.635.074.144	20.741.882.325
Phải trả khác	19.585.101.328	17.944.295.906	19.585.101.328	17.944.295.906
Tổng cộng	519.593.233.914	351.420.168.224	519.593.233.914	351.420.168.224

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và HĐQT Cộng	3.239.986.587	1.513.684.358
	3.239.986.587	1.513.684.358

Giao dịch mua phát sinh năm 2020:

	Mối quan hệ	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Mua của Công ty CP Thăng Long HDI	Cùng thành viên lãnh đạo	-	957.597.214
+ (Chi tiết: Mua vật tư, hóa chất, công cụ y tế)		-	957.597.214
Mua của Công ty TNHH Xuân Thủy	Cùng thành viên lãnh đạo	227.320.347.500	291.306.235.850
+ (Chi tiết: Giá trị thi công xây lắp công trình Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 2)		227.320.347.500	291.306.235.850
Cộng		227.320.347.500	292.263.833.064

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

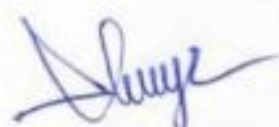
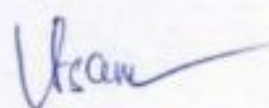
Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT


NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Điện thoại: 0208 628 5658

328 Lương Ngọc Quyến, P. Đồng Quang, TP. Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên

benhvienquoctethainguyen.com